



LIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN



SỐ 12 NĂM THỨ MƯỜI



LIÊN-HOÀ

nguyệt - san



Chủ-nhiệm : THÍCH ĐÓN-HẬU

Tổng Thư-Ký: THÍCH-ĐỨC-TÂM Quản-lý: THÍCH NỮ DIỆU-KHÔNG

Tòa-Soạn : 66, Chi-Lăng — Hộp thư 24 Bưu

P.L 2508 — Rằm Tháng 12 Năm Giáp-Thìn (17-1-1965)

Ngày thành lập G. H. P. G. V. N. T. N.

Phật-giáo đối với vấn-đề xã-hội

Trước giờ Thành-Đạo (*thơ*)

Diễn-văn của Thượng-tọa Tâm-Châu

Niềm tin thể hiện

Tịch dương ca (*thơ*)

Trên đường cứu trợ

Người quân nhân Phật-tử

A-Dục Vương của Tích-Lân

Tháp tâm tư (*thơ*)

Phỏng-vấn Đại-đức Sangharakshita tại

Hy-Mã-Lạp-Sơn

Ông Tây trước chùa Phật

Vườn thơ Đạo Lý

Bài nói chuyện của đại-diện S. V. P. T. tại
chùa Diệu-Đế...

Tin tức

Hộp thư

Liên-Hoa

Tịnh-Như

Tường-Phong

Anh-Hiền

Thạch-trung-Giả

Thích nữ Thề-Quần

Vĩnh-Xuyên

Tri-Chơn dịch

Quách-Tấn

Thích Thiện-Châu

C. L.

Nguyễn-Hạnh

Hoàng-văn-Giàu

★ *Kính Chúc Quý Độc-giả Một Mùa Xuân An Lạc* ★

Trận bão lụt vừa rồi ở Trung-Phần nhất là các tỉnh QUẢNG-NAM, QUẢNG-TÍN, ĐÀ-NẴNG và QUẢNG-NGÃI trên 7 NGÀN NGƯỜI THIẾT MẠNG, sản vật hư hại không thể kể xiết. Hiện nay hằng triệu người đang thiếu ăn, thiếu mặc, nhà cửa tan nát, bà con thất lạc, bệnh tật bắt đầu hoành hành, tình cảnh thật vô cùng bi thảm...

Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi toàn thể Phật-Tử trong và ngoài nước, hãy bớt phần ăn tiêu, bớt giờ nghỉ ngơi, góp công, góp của, tích cực tham gia vào BAN CỨU TRỢ NẠN LỤT do Tổng-Vụ Pháp-Sự hoặc các Giáo-Hội Phật-Giáo các tỉnh tổ-chức.

LIÊN-HOÀ N. S.

(Ý - NIỆM NGÀY THÀNH - LẬP GIÁO - HỘI PHẬT - GIÁO V. N. T. N.



NGÀY 31 - 12 - 1963, một đại-hội Phật-giáo toàn quốc đã được long-trọng khai-mạc tại chùa Xá-Lợi Saigon với sự hiện diện đông đảo của toàn thể đại-biểu Nam-Tông và Bắc-Tông, Tăng lữ và Cư-sĩ Nam, Bắc, Trung. Ngày đó trở thành một ngày lịch sử trọng-đại đối với Phật-Giáo Việt-Nam. Vì từ ngàn xưa cho đến nay, chưa có một ngày nào Phật-giáo-đồ Việt-Nam được sum họp đông đảo như ngày hôm ấy. Sau ba ngày thảo-luận, một hiến-chương chung cho Phật-Giáo Việt-Nam ra đời, và Hội Viện: Tăng-Thống và Hóa-Đạo đã được suy-tôn, gồm đủ đại-diện của các tập-đoàn Phật-Giáo chân-chánh lớn-lao và uy-tín trong nước:

Nền thống-nhất Phật-Giáo Việt-Nam đã được xây đắp, cương-lĩnh của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam đã được hoạch-định, gồm 2 điểm chính sau đây.

1) Đối nội: Thống-nhất Nam-Tông và Bắc-Tông; tôn-chức độc-chế hàng-ngũ tín-đồ để tạo hoàn-cảnh thuận-tiện cho sự học và phát-huy đạo-pháp.

2) Đối ngoại: Cộng-tác trên căn-bản bình-đẳng với các tôn-giáo khác để cùng phụng-sự dân-tộc; phát-huy tình tương-ân tương-trợ giữa Phật-giáo-đồ Việt-Nam và tất cả các dân-tộc yêu chuộng tự-do, bình-đẳng và hòa-bình trên thế-giới.



Một năm đã trôi qua mau lẹ, từ ngày Giáo-Hội được thành-lập cho đến nay. Bao nhiêu cơ-sở hành-chánh, văn-hóa, xã-hội, thanh-niên, hoàng-pháp đã được cấp-tốc xây-dựng trong âm-phấn-khởi của toàn thể tín-đồ. Tất nhiên trong sự vội-và,

không làm sao tránh khỏi được những sự vấp-vấp, những điều sơ-hở. Nhưng với thành-tâm thiện-chí, chúng ta chắc chắn mọi thiếu sót, khuyết-diêm sẽ được cải thiện.

Nhưng điều đau đớn, chưa xót nhất của Phật-giáo - đời Việt-Nam, là trong năm qua, mặc dù chế-độ độc-tài gia-đình-trị của họ Ngô đã bị lật đổ, nhưng tay chân của chế-độ ấy vẫn còn tác-hại khi thì ngấm ngấm, khi thì công-khai, làm cho máu Phật-tử đã đổ ịrợc đó, còn tiếp-tục đổ thêm nữa. Bọn phản cách-mạng, tay chân của gia-đình họ Ngô ra sức khuấy phá, cố nắm lại chính quyền, và ngày nay, sau hơn một năm tập đoàn Nhu Diệm gục ngã, người ta vẫn thấy lại những hình ảnh, những biện pháp giống hệt như dưới chế-độ độc-tài Nhu Diệm: giải tán, đàn áp biểu-tình, thiết quân luật; xúc thanh-niên sinh-viên biểu-tình đưa ra một trận; kiểm-duyet và đóng cửa báo chí, nhất là báo chí nói đến Phật-giáo; ngấm ngấm và công khai nâng đỡ những tờ chức, đoàn thể phản cách-mạng, phản dân-chủ, phản dân-tộc, lạc hậu; chủ trương cho những tờ báo bất hợp pháp lưu hành để thóa mạ, vu khống Phật-giáo và những nhà lãnh-đạo của Giáo-hội Phật-giáo Thống-nhất.

Để bảo vệ Phật-pháp và nhân dân mà đại đa số là tín-đồ Phật-giáo; Giáo-hội không thể diêm nhiên tọa thị để cho bọn tay sai Nhu Diệm và bọn phản cách-mạng đặt lại ách thống trị độc tài lên đầu dân chúng và Phật-tử được. Bởi thế cho nên hôm 11-12-64, Giáo-hội đã thành lập lại Ủy-ban bảo-vệ Phật-giáo và đã ra tuyên-ngôn và viết thư cho Quốc-trưởng Phan-khắc-Sửu, Thượng-hội-đồng Quốc-gia và ông Đại-sứ Mỹ Taylor để bày tỏ lập-trường của Phật-giáo và phản-đối chính-phủ Trần-văn-Hương.

Chúng ta không thể không đau xót khi thấy cách-mạng và Phật-giáo đã bị phản-bội. Nhưng dù phải mua đến một giá đắt bao nhiêu, chúng ta, những Phật-giáo-đời Việt-Nam cũng sẽ không từ nan để bảo-vệ đạo pháp, truyền thống dân-tộc và thực hiện đường lối đúng đắn mà Đại-hội Phật-giáo toàn quốc năm vừa qua đã hoạch định.

Liên-Hoa

Viết trong ngày Đệ nhất chu niên

Phật-Giáo

★ đời với vấn-đề xã-hội

TỊNH-NHƯ

CHO đến mãi hôm nay, nhiều người vẫn còn cho rằng Phật-giáo không thể nào chú ý đến vấn-đề xã-hội và thiết-lập những cơ sở có tính-cách xã-hội được. Theo họ, vấn-đề đặt ra hết sức giản-dị: Phật-giáo xem cuộc đời hư-vô, tạm bợ, giả-uyên; mọi hình thức tổ-chức các cơ-sở xã-hội, do đó, đi ngược lại triết-lý phù-ảo của Phật-giáo chăng?

Nhận-định như vậy quả thật là nóng cạn và hết sức sai lầm. Vấn-đề sai lầm căn-bản là xem Phật-giáo như một tôn-giáo yếm thế, không được quyền và không có lý-do gì để nắm giữ tất cả những gì thuộc về trần-lụy.

Hiện-tượng giới, đời với Phật-giáo vốn biến-động, lưu-chuyển, tác-động lẫn nhau, hỗ-tương lẫn nhau và phá-hoại lẫn nhau. Tất cả đều do tâm thức biến-hiện. Đó là một chân-lý hiện-thực, kết quả do sự chứng nghiệm chứ không phải là một triết thuyết duy ý. Nhưng xác nhận chân-lý đó và nhìn chân-lý đó bằng tâm-ạng khiếp sợ chần nản hay bằng đời mắt thông dong là tùy nhân-giới và thái-độ mỗi người. Phật-giáo khuyên ta chọn lối nhìn tích-cực thứ hai chứ không phải lối nhìn tiêu-cực thứ nhất.

Sự biến-động vô thường của thực-tại, trước hết giúp ta loại bỏ sự cố-chấp thực-hữu về sự vật và giúp ta khai-trừ mọi tham vọng ích kỷ cá-nhân, để hòa-đồng trong thực-tại rộng lớn. Ta sẽ tìm được sự liên-hệ giữa « một là tất cả, tất cả là một ». Quan-niệm về giả-huyền, sau đó, giúp ta không khiếp sợ đau khổ — vì đau khổ cũng giả huyền — để mạnh dạn đi vào cuộc đời, cứu độ chúng sanh. « Ta không vào địa-ngục thì ai vào địa-ngục », đó là thái-độ tích cực nhập-thế của Phật-tử, lăn xả trong đau khổ của cuộc đời để thoa dịu đau thương cho đồng loại.

Đối với Phật-giáo, vấn-đề xã-hội, dù muốn dù không, cũng phải đặt thành vấn-đề. Vì sự sống, vũ-trụ, tâm thế, tự nó đã mang ý-nghĩa của xã-hội-tính. Không có một yếu tố nào, một sự vật nào, một dữ-kiện nào, tự nó một mình đơn-độc. Tất cả đều ràng buộc lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, tương quan lẫn nhau, tác động lẫn nhau và cũng tùy thuộc lẫn nhau trùng trùng vô tận. Tất cả đều dựa vào nhau mà sinh, dựa vào nhau mà diệt, dựa vào nhau mà tồn tại, dựa vào nhau mà biến-đổi. Cho nên một hành-động của cá-nhân, dù vô tình hay hữu ý, vẫn ảnh-hưởng lên đời sống xã-hội, đời sống vạn-vật; và ngược lại mọi thịnh suy, mọi biến chuyển của xã-hội, vạn vật vẫn ảnh-hưởng lên đời sống của cá-nhân. Do đó, nỗ-lực cải-tạo xã-hội để cùng thăng-hoa cộng tiến đó là bổn-phận của mỗi cá-thể trong xã-hội loài người.

Hơn nữa chính dựa vào quan-niệm sự vật biến-động vô thường mà vấn-đề cải-tạo xã-hội đã trở nên hợp-lý. Vì rằng,

ên sự vật bất biến, cứng đờ, ù lỳ một chỗ với những thực-
lệ cố-định thì sự sống không thể nào biến-cải được. Sự thoai-
áa và sự tiến-bộ sẽ trở nên vô nghĩa. Chính vì quan-niệm sự
ít biến-động, mà người Phật-tử lĩn-tưởng ở khả-năng cải-tạo
sức đời mỗi ngày một thêm thiện-mỹ.

Tuy nhiên, vấn-đề xã-hội của Phật-giáo mà chúng ta sẽ có
íp bàn kỹ trong những lần sau — được quan-niệm một cách
biết quyết rằng chỉ do con người giải-quyết và định-đoạt lấy.
òn người làm chủ lấy vận-mệnh mình và có quyền « tạo-hóa » lấy
s. Khác với các quan-niệm xã hội của các học-thuyết thần-quyền,
vấn-đề xã-hội của Phật-giáo không có nghĩa là lời kêu gọi hoặc
hưng công cuộc từ thiện của một tình thương từ trên ban xuống;
s cũng không phải là chỉ để giải-quyết một vài đau khổ do
hưong-đế đã an bài; trái lại nó là cuộc cách mệnh thường-
ợc của mọi cá thể tạo nên cộng đồng xã-hội. Tất cả hành-
động của tập thể đó sẽ tạo nên vận mệnh cho tập thể, sẽ gây nên
ột cộng-nghiệp mà trong đó mỗi cá-nhân sẽ thụ-hưởng và mang
ỷ trách nhiệm về mình và về tập thể của mình.

Sự sống, như thế, đã thể-hiện một cách cụ-thể về xã-hội-
nh. Và đã liên-hệ trong dòng sinh-hoạt vĩ-đại chúa-chan xã-
hì-tính của tập thể, người Phật-tử không thể nào không đóng
íp sự cải-tạo của mình vào dòng sinh-hoạt đó để làm cho bộ
ặt cuộc đời mỗi ngày một thêm tươi đẹp.

Trước giờ

THÀNH ĐẠO ★



ĐÊM phủ đêm dày đêm lại đêm
Vô minh chằng khắp cõi im lìm
Hào-quang đốt đuốc bùng trên trán
Đêm phủ vấy ngoài... đêm tối thêm...

Bão táp lùa xô muôn lớp gió
Rừng già dao động hết muôn cây
Mà sao trong bóng đêm dày đó
Chỉ một Bồ-Đề không gió lay

Bão tuyết nhòa trong Ánh Sáng Thiêng
Ma vương Quỷ dữ khắp quanh miền
Theo cùng với gió, theo cùng bão
Ấp đến, ủa vào — không áo xiêm

Quý Tham tay dài có **trăm** ngón
Ôm hết trần gian khoái lạc này
Ôm quả tấn-toan vừa chín mọng
Ôm cảnh danh vọng rất mê say

Quý Sân Si mặt đỏ răng dài
Mày rậm như gươm tóc tựa gai
Tay gươm tay nỏ lưng chìa súng
Hò hét như vầy — dọa nạt ai ?

Kiêu-Mạn, quý này vác mặt lên
Mắt nhìn nửa khóe, miệng xưng tên:
« — Trần gian chỉ có TA là nhất
Còn lại thì toàn như đất đen ! »

Bi Quý Nghi-Ngờ dong-dòng cao
ân hình tựa chiếc bóng tiêu hao
úi đầu triết lý và suy gẫm
ông-thượng đôi tay, lệch lạc đầu!

Bi một Ka-ma — quý dục tình
-kiều uốn-éo vẻ giai nhân
o là muốn biến thành sương mỏng
iêm phấn son, nhan sắc hiện hình:

— Mất dăm lệ mờ em đến đây
hàng ơi năm tháng cách xa này
y ngà làm gối xin chàng gối
s với em này, Yêu lắm thay!»

ít cả liên minh cùng bóng tối
ầu xin, dọa dẫm đáng Từ Bi
ơ ôi! cuồng vọng mê mờ đó
húng đến vội vòng như chúng đi!

(Đến đây thì bão ngừng, dông tố hết. Đức Thích-Ca dần chứng được Túc mệnh mình thấy rõ các kiếp trước của mình của người, Thiên nhân mình giác ngộ hoàn toàn cùng khắp, Lộ tận mình diệt trừ hết thấy mê làm vô thi, và đến lúc sao mai mọc, Ngài chứng được Đạo Vô-Thượng, thành Phật).

TƯỞNG - PHONG
mùa, Thành đạo 2.508

★

Trước giờ
★ **THÀNH ĐẠO**

DIỄN VĂN

L. T. S. — Đề giấp một số độc-giả mới hiểu rõ chủ-trương đường lối của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất trong dịp kỷ niệm đệ nhất chu niên ngày thành lập GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO THỐNG-NHẤT. Chúng tôi đăng lại bài Diễn-Văn lịch-sử của Thượng-Tọa Thích Tâm-Châu (đương kim Viện-Trưởng Viện-Hóa-Đạo) đọc trong giờ khai-mạc Đại-hội Phật-Giáo ngày 31 tháng 12 năm 1963 tại Chùa Xá-Lợi Sài-Gòn, trước sự hiện diện của 11 phái-đoàn Phật-Giáo chính-thức đại-diện cho toàn thể Tăng, Ni, Phật-Tử Nam, Bắc-Tống ở Việt-Nam, Qui vị đại-diện quân-dân-chính trong nước, đại-diện các Tòa Đại-sứ và phóng-viên báo-chi trong và ngoài nước...

Kính bạch quý vị Hòa-Thượng Chứng-minh Đạo-Sư,
Kính thưa Trung-tướng Chủ-tịch Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.

Kính thưa Thủ-Tướng Chính-Phủ Lâm-Thời,

Kính thưa quý vị Đại-Diện Ngoại-giao Đoàn,

Kính thưa quý vị Đại-Biểu,

Kính thưa toàn thể Tăng-Ni và Thiện-Nam, Tín-Nữ,

Đày không phải là lần đầu tiên vấn-đề Thống-Nhất Phật-giáo được đặt ra. Thực vậy, tất cả những ai đã từng quan tâm đến Phật-giáo đều tha thiết mong mỏi sao cho hệ thống tổ chức Phật-giáo tại Việt-Nam được thống nhất.

Trong thực tế, đó cũng là mối băn-khoăn của Tổng-Hội, Ủy-Ban Liên-Phái Phật-giáo Việt-Nam và chúng tôi vẫn xúc tiến từ lâu công cuộc vận động này. Vì vậy, buổi Đại-Hội hôm nay và những ngày kế tiếp sẽ nhằm 3 mục đích chính:

1. — Kiểm điểm những thành quả đã thu lượm được.
2. — Định một qui chế cho Phật-Giáo thống nhất.
3. — Định một đường lối rõ rệt cho Phật-giáo Việt-Nam trong tương lai, với sự đóng góp của tất cả các tầng lớp Tăng-Ni Phật-tử trong nước.

Trước khi phác họa sơ lược hướng đi cần thiết của Phật-Giáo Việt-Nam trong tương lai, chúng tôi xin nhắc lại, trong vài dòng, những biến cố mới đây trong lãnh vực Phật-Giáo, vì dù muốn hay không, những biến cố này cũng ảnh hưởng sâu rộng đến Phật-giáo-đồ Việt-Nam.

Thưa Quý Vị,

Đúng 2.507 năm sau ngày Đản-Sinh của Đấng Từ-Bi, máu của Phật-tử Việt-Nam đã phải đổ để bảo vệ quyền tự-do tín-ngưỡng của mình. Có lẽ đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử Phật-Giáo thế-giới, Phật-Giáo phải đứng lên vận động cho nguyện vọng chân chính của mình.

Thực vậy, Đạo Phật xây dựng trên căn bản từ-bi hỷ-xả, luôn luôn tùy căn cơ của chúng sinh mà khai hóa, không bao giờ chủ-trương ép buộc, không bao giờ dùng đến các phương tiện quyết-liệt. Ngay trong những giờ phút nguy kịch nhất, Ngài Hội-Chủ đã nói rằng: « Nếu tôi bị giết, xin hãy cầu nguyện cho kẻ giết tôi » và trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời, Bồ-Tát Quảng-Đức vẫn cầu nguyện cho kẻ bạo tàn hồi tâm lại để tránh đau thương cho dân tộc.

Để đối phó lại những lời nói và hành động cao đẹp đó, người ta đã dùng đến mọi hành động vu cáo, đe dọa, bắt bớ, giam cầm, tra tấn dã man. Chúng tôi nhắc lại những giờ phút đen tối đó, không phải là để gây căm thù, vì đạo Phật vốn là đạo Từ-Bi, cũng không phải là để đòi lấy sự đền bù xứng đáng nào, vì Đạo Phật vốn là Đạo Hỷ-Xả. Chúng tôi nhắc lại là cốt để, nhân dịp này, thành kính nghiêng mình trước anh linh những vị Thánh Tử Đạo và để chia sẻ niềm vui hôm nay với tất cả những người nào đã công khai hay âm thầm tranh đấu cho tự do tín-ngưỡng.

Thực vậy, niềm vui hôm nay không phải chỉ là niềm vui riêng của Phật-tử Việt-Nam, mà là niềm vui của tất cả dân tộc Việt-Nam trong nước và ngoài nước, hay đúng hơn đó là niềm vui của tất cả các dân tộc yêu chuộng

tự do trên thế-giới. Chúng tôi đã vô cùng cảm động khi các tín-đồ các tôn-giáo khác, đã sáng suốt trước âm mưu chia rẽ tôn-giáo, đã dám nhận lãnh mọi khó khăn và nguy hiểm để đến chia sẻ nỗi đau khổ với chúng tôi cảm động hơn nữa là phản ứng của các dân tộc yêu chuộng tự-do trên thế-giới: (như Tích-Lan, Hoa-kỳ v.v...) chỉ cần biết rằng tại một nơi nào đó trên thế-giới, Phật-giáo-đồ bị đàn áp, quyền tự-do tín-ngưỡng bị xâm phạm, những dân tộc đó đã vùng lên xác định thái độ ủng hộ lập trường của chúng tôi. Một mặt khác, nhiều vị Quốc-trưởng các dân tộc đó đã vận động dư luận thế-giới, buộc thế-giới phải dùng mọi khả năng của mình để chấm dứt tình-trạng vô lý đó. Những cuộc vận động này đã là một hậu thuẫn mạnh mẽ cho chúng tôi, và là một niềm an ủi lớn lao cho chúng tôi, vì đã cho chúng tôi thấy rằng, mặc dù khác nhau về ngôn ngữ, phong tục, khác nhau về màu sắc tôn-giáo, chúng ta vẫn gặp nhau trên căn bản con người.

Một lần nữa, chúng tôi xin nhờ Quý Vị chuyển lời cảm ơn của Phật-giáo-đồ Việt-Nam tới các tín-đồ Phật-tử các nước, tín-đồ các tôn-giáo khác và các dân tộc yêu chuộng tự do trên thế-giới.

Thưa Quý Vị,

Chắc không một người nào trong Quý Vị lại có thể tin rằng Phật-giáo-đồ Việt-Nam tranh đấu chỉ vì muốn treo một lá cờ hay muốn nghe phát thanh một bản hiệu triệu hằng năm. Vâng vì đạo Phật chủ trương Phật tại Tâm, mọi màu sắc và âm thanh bên ngoài chỉ là giả tướng. Điều mà Phật-giáo đòi hỏi là tự-do tín-ngưỡng, chính vì cái lý tưởng cao đẹp đó, mà Phật-giáo Việt-Nam đã được sự ủng hộ của hầu hết các tầng lớp dân chúng trong nước và ngoài nước.

Nếu công nhận rằng con người là vạn vật chi tối linh, thì không thể phủ nhận tín ngưỡng của con người vì tín ngưỡng là sợi giây thiêng liêng nối liền con người với tuyệt đối. Đối với một khả năng thiêng liêng ấy,

mà định dùng bạo lực để làm cho sai lệch hay để phá hủy, thì thật là một điều phi lý và điên rồ. Nói đúng hơn, chỉ những kẻ không có tín ngưỡng mới dám nghĩ đến điều như vậy, còn bất cứ ai, dù là tôn-giáo nào, nếu biết giá trị của tín-ngưỡng thì cũng sẽ thông cảm ngay nỗi đau khổ của người khác khi tín-ngưỡng của kẻ ấy bị xâm phạm.

Trong cuộc sống hằng ngày, đức tin giúp mỗi người phá bỏ cái vỏ cá nhân của mình. Cuộc sống của một tín-đồ rất rộng rãi vì nó hòa với cuộc sống của dân tộc, của nhân loại và nó còn sâu xa hơn vì nó không bị hạn định ở cuộc sống thể gian. Hai sự kiện này giải thích lý do hy sinh của các Thánh-Tử-Đạo, những người đã coi mạng sống của mình nhẹ hơn niềm đau của dân tộc hay của nhân loại.

Ở một trình độ thấp hơn, cuộc sống phong phú của các tín-đồ đòi hỏi sự thể hiện công bằng xã-hội. Trước sự đau khổ của thể gian, sự luân hồi của kiếp sống mọi người đều phải bình đẳng. Máu của chúng sinh đều đỏ, nước mắt của chúng sinh đều mặn. loài người sống với nhau để yêu thương nhau, đùm bọc nhau, giúp đỡ nhau chứ không phải để bắt nạt nhau, hay xâu xé nhau. Chủ-thuyết nào cũng phải công nhận rằng bình đẳng xã-hội là một mục tiêu phải đạt được, đức tin hướng về mục tiêu đó là một đòi hỏi khẩn thiết, một điều kiện tiên quyết. Điều khó khăn nhất cho các tín-đồ tôn-giáo là phải đạt tới sự công bằng xã-hội bằng sự hy sinh của những người tự ý thức được nhiệm vụ này, và đối với người ngoài, chúng ta chỉ có thể dùng lẽ phải để thuyết phục họ chứ không thể dùng bạo lực để ép buộc họ.

Nhiệm vụ của chúng ta to lớn như vậy, thiết tưởng

muốn làm cho trọn vẹn, cần phải có sự đóng góp của mọi người và theo một đường lối thống nhất.

Đường lối đó, hôm nay, chúng tôi sẽ xin thử vạch ra một vài nét chính, để rồi trong những ngày kế tiếp đây, chúng ta sẽ nghiên cứu các công tác thực tế để thực hiện.

I. — Chính sách đối nội của Phật-giáo Việt-Nam

1) *Thống nhất Nam-Tông Bắc-Tông.* — Danh từ Nam-Tông và Bắc-Tông là do các nhà sử học đã đặt ra để chỉ hai trào lưu truyền giáo chính của Phật-giáo từ Ấn-độ qua vùng Đông-Nam-Á. Đầu tiên sự phân biệt chỉ để cho dễ dàng trong việc trình bày, suy luận, sau đó từ sự phân biệt về danh từ, người ta đã đi đến sự phân biệt về nội dung.

Đĩ nhiên, trong thực tế, có nhiều sự khác biệt trong cách thức tu tập của hai tông-phái đó, nhưng sự sai khác ấy là các sự uốn chuyển hình thức cho phù hợp với phong tục, tập quán và hoàn cảnh địa phương của mỗi nơi mà Phật-giáo du nhập. Trên phương diện nội dung, các giáo-lý căn bản về Tâm, về Nghiệp, về Luân-hồi, về Niết-bàn đều giống nhau. Chỉ có một mặt trắng, thì sai khác là do chỗ đứng của mỗi người chỉ mặt trắng mà thôi.

Đức Phật dạy rằng: Nên để ý đến mặt trắng mà không nên chấp trước nơi ngón tay. Vậy không có lý do gì chúng ta để cho sự phân biệt Nam-Tông, Bắc-Tông có thể là một trở ngại cho việc thống nhất Phật-giáo Việt-Nam. Nhất là hôm nay đây, chúng ta cùng có một dân tộc cần cứu giúp, cùng một hoàn cảnh xã-hội cần cải thiện — Chúng tôi mong rằng, vì lẽ cao cả của Đạo Vàng, tất cả các tín-đồ của Phật-giáo không phân biệt Nam-

Tông hay Bắc-Tông, đều phải đoàn kết lại thành một khối duy nhất.

2) *Tổ chức hàng ngũ tín-đồ.* — Kinh nghiệm những tháng gần đây cho chúng ta thấy rằng các biến chuyển xã-hội ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống đạo lý, vì dù sao một tín-đồ cũng là một công dân. Nếu muốn Phật-Pháp là viên đá để xây dựng nền tảng xã-hội thì nhiệm vụ của Phật-Giáo-Hội Việt-Nam là phải tổ-chức chặt chẽ hàng ngũ các tín-đồ. Tổ-chức không phải là để sai khiến họ, mà chỉ là để hướng dẫn họ, huấn luyện họ, giúp đỡ họ làm tròn nhiệm vụ của một Phật-Tử đối với xã-hội.

Nhiệm vụ đó là gì? Là thể hiện giáo-ly của Đức Từ-Bi trong đời sống hằng ngày, là truyền bá giáo lý đó cho các người chung quanh. Nói-khác đi là, các tín-đồ phải tham gia vào các công tác văn-hóa, xã-hội. Sự tổ-chức lại hàng ngũ các tín-đồ chỉ nhằm tạo hoàn cảnh thuận tiện cho các tín-đồ hoạt-động mà thôi.

II. — Chính sách đối ngoại của Phật-giáo Việt-Nam

1) *Đối với các tôn-giáo khác.* — Bất cứ tôn-giáo nào cũng xây dựng trên một căn bản là đời sống tinh thần của mỗi người, và cũng nhắm một mục đích là giúp con người sống sao cho không hổ thẹn với lương tâm.

Cùng xây dựng trên những tín-điều, nghĩa là những sự kiện không thể chứng minh được, các tôn-giáo đều có giá trị riêng của nó. Không ai có thể nói tôn-giáo này hay hơn tôn-giáo nọ, tôn-giáo nọ đúng hơn tôn-giáo kia.

Vì vậy, chủ trương của Phật-giáo Việt-Nam là cộng tác trên căn bản bình đẳng với các tôn-giáo khác để cùng phụng sự dân tộc.

2) *Đối với các quốc gia Phật-giáo và các quốc gia yêu chuộng tự do.* — Tình tương thân tương trợ giữa Việt-

Nam và các quốc gia này đã có dịp phát huy trong những tháng gần đây. Vậy nhiệm vụ của Phật-giáo Việt-Nam là củng cố tình tương thân tương trợ đó.

Sự củng cố này có thể thực hiện bằng sự trao đổi thư tín, phái đoàn thân hữu, trao đổi các học Tăng, và cụ thể hơn về sự góp phần của Việt-Nam vào tổ chức Phật-giáo Quốc-Tế.

Phật-giáo không phân-biệt biên giới, Tự-do không phân biệt màu da, Phật-giáo Việt-Nam xin long trọng xác nhận tình liên đới của Phật-giáo-đồ Việt-Nam với tất cả các dân tộc yêu chuộng tự do trên thế giới.

Thưa Quý Vị,

Trở lại với hiện tình của Phật-giáo Việt-Nam, với hoàn cảnh xã hội của dân tộc Việt-Nam, chúng tôi tha thiết kêu gọi sự đoàn kết thống nhất của mọi tầng lớp Tăng Ni, Phật-Tử không phân biệt Tông-Phái, không phân biệt địa vị xã hội. Ở đây không còn Đại-Thừa hay Tiểu-Thừa, không còn Ông này hay Ông kia, tất cả chỉ là con người có Phật tính.

Mỗi người là một điểm sáng nhỏ, hôm nay từ mọi nơi qui tụ về đây hội họp để mong thắp lên một bó đuốc soi đường cho dân tộc Việt-Nam. Vấn đề thống nhất Phật-Giáo Việt-Nam không phải mới đặt ra hôm nay, nhưng đây là thời cơ thuận lợi nhất và cũng là khẩn thiết nhất.

Các Phật-Tử trong toàn quốc đang hướng về Thủ-Đô và đặt kỳ-vọng ở Quý-Vị. Xin Quý-Vị đừng phụ lòng tin tưởng của họ. Mong Đại-Hội thành công viên-mãn.

NAM-MÔ BỒN-SU THÍCH-CA MAU-NI PHẬT

NIỆM TIN THỀ HIỆN

Anh-Hiền

NẾU hy-vọng dẹt bằng gấm hoa, thì thực thề lại kết bằng khổ đau!

Hiện-hữu là khổ! Con người là một cá-thể hiện-hữu. Khổ đau là thực-thề của con người, của cuộc đời, của lịch-sử...! Là một thực-thề hữu-hạn, sống trong cuộc đời vô-thường, tương-đối. Con Người tuy cố-gắng vươn lên, tìm về một nẻo đường Cao-Đẹp, song Con Người vẫn thường ngã gục, đành trao phó thân phận mình cho ĐỊNH-MỆNH, cho một đấng Thần-linh Vô-hình toàn quyền quy tội ban phúc cho mình, «bắt phong-trần thì phải phong-trần, cho thanh-cao mới được phần thanh-cao», và còn bị quy-định trong cuộc sống mỏng-manh, dễ vỡ, tình-trạng rã-rời, vô-vọng... Ôi! Còn đâu là Tự-Do! Còn đâu là thắng-nghĩa Con Người — Con Người là tối-thắng!

Hỏi AI là người đủ can-trường đối-diện với đau khổ của Con Người? AI coi người như mình và coi nỗi đau khổ của người như nỗi khổ đau của mình để san bằng nỗi thống-khổ, é-chề, buồn-tủi... cho Con Người được an-vui, tự-tại?

Kinh Pháp-Hoa chép: « Một người nghèo khổ đi tha-phương cầu thực mà không biết rằng trong vạt áo của mình, cha mẹ đã giấu một hòn ngọc quý giá vô ngần. Người đồng tử kia không hay biết, đi lang thang cầu thực, sống cuộc đời cùng-cực đau-khổ! Một ngày kia, nhờ người chỉ bày thấy viên ngọc quý, trở nên giàu có sung-sướng, an-vui với ruộng vườn thênh-thang, thóc lúa đầy nhà »

Con Người, từ ngàn xưa vạn thuở, cũng như chàng nghèo khổ kia, lang-thang tìm kiếm con đường sinh-tồn, thường cô-động tâm-tưởng tinh-anh, cố vươn lên, tiến bước không ngừng, luôn luôn đổi thay, xoay chiều với chủ-nghĩa, với lý-thuyết... thì, khổ đau lại càng chồng-chất lên thân-phận Con Người, tâm-tư càng thêm lay động và bỡ ngỡ trước cuộc đời thăm-thẳm, dầy-đặc, đen tối về chính mình, về tha-nhân, về sự vật... « Con Người luôn luôn bị đóng khung trong những hoàn-cảnh cố-định... Ta phải chết, phải đau khổ, phải chiến-đấu... Nhưng hoàn-cảnh, nền-lảng của cuộc đời ấy là hoàn-cảnh ta không tài nào vượt qua hay thay đổi được » (1) — Con Người hết niềm tin !

Trên bờ hồ diệt-vọng, trước cuộc đời « là thừa, phi-lý, nồn mửa, bi-đát » đó, bên tình trạng đố võ của Con Người, Con Người càng thêm rùng-mình, kinh-hãi... Quay lại ngơ ngác nhìn dặm đường vừa qua, lòng tin-tưởng ở chủ-nghĩa ở lý-thuyết, ở lực-lượng văn-minh khoa-học... đã bị tiêu-tan ! Con Người càng thêm thảng-thốt, khiếp-dảm ! Lòng người khắc-khoải, đau-thương với những hoài-nghi, hoài-nghi chính mình, hoài-nghi tha-thân, hoài-nghi hiện-hữu, hoài-nghi Thượng-đế, hoài-nghi tất cả... thế rồi, Con Người thốt lên: « Nous étions un tas d'existants gênés, embarrassés de nous-mêmes, nous n'avions pas la moindre raison d'être là, ni les uns ni les autres, chaque existant, confus, vaguement inquiet, se sentait de trop par rapport aux autres. De trop : c'était le seul rapport que je pusse établir entre ces arbres, ces grilles, ces cailloux... De trop, le marroonnier, là en face de moi sur la gauche. . Et moi — veule, alangui, obscène, digérant, ballottant, de mornes pensées — moi aussi j'étais de trop... Je rêvais vaguement de me supprimer, pour anéantir au moins une de ces existences superflues. Mais ma mort même eût été de trop. De trop, mon cadavre, mon sang sur ses cailloux,

(1) — Triết-học nhập môn, Karl Jaspers bản dịch của Lê-Tôn-Nghiêm

entre ces plantes, au fond de ce jardin souriant. Et la chair rongée eût été de trop dans la terre qui l'eût reçue et mes os, enfin, nettoyés, écorcés, propres et nets comme des dents eussent encore été de trop : j'étais de trop pour l'éternité ». (Jean-Paul Sartre, La nausée, page 163).

Tất cả đều là thừa... hiện ra một cách trần-trụi phi lý... « Rien ne justifie l'existence » và tự hỏi tại sao tôi sống? (Pourquoi est-ce que je vis?).

Ôi! nổi đời! « Người hiền chứ hay chưa »? Ai là người hướng-dẫn, giải-quyết vấn-đề ấy cho con Người?

Trong di-sản người xưa để lại từ hơn 25 thế-kỷ có một viên ngọc quý-giá vô-ngần: « ĐẠO PHẬT »! Hãy tinh-tiến rửa mài! Hãy cố-gắng thực-thi phương-pháp thực-nghiệm lau chùi lớp bụi đóng cứng, gạn đục khơi trong viên ngọc, Con Người sẽ thấy ánh-sáng chói lòa rực rỡ của viên ngọc pháp ra! VIÊN NGỌC ẤY AI CŨNG CÓ! Người có duyên thấy trước thì sớm có niềm tin. Tin rằng ngày mai nhân-loại sẽ nhờ viên ngọc quý này tìm gặp, đối-diện với khổ đau để tiêu-diệt khổ-đau giải-thoát Con Người, là nơi nương tựa lâu dài cho Con Người. Viên ngọc ấy luôn luôn tham dự vào công việc thăng-hóa xã-hội, nhưng không tham-gia bất cứ một cuộc bạo-động nào, không bạo-động với người cũng không để người bạo-động lại với mình! Nhưng tiếc thay! người xa chưa thấy hoặc chưa chịu thấy vẫn mang nặng một nghi ngờ, có biết đâu « cũng như nước bốn bề chỉ có một hương-vị: Hương-vị của nước mặn, giáo-pháp của Đức Phật cũng vậy, chỉ có một hương-vị: Hương-vị của sự giải-thoát, sống trong cảnh Cao đẹp, Hoàn-Toàn, Trong-Sáng, Gương-mẫu! ».

Hãy đứng lên cho cao, hãy chạy lại cho gần, lột bỏ những cặp kính màu của thành-kiến để thấy rõ, nhìn rộng, tìm hiểu Ánh-Sáng Viên Ngọc đó: Ánh-sáng của Tinh-thương, của Giải-thoát, An-Vui, Bình-dẳng... một tương-lai sáng lạn cho Nhân-loại và muôn loài!

The more I know Him,
The more I love Him.
The more I love Him,
The more I know Him.

(FAUSBOLL)

(Tôi càng hiểu Đức Phật, tôi càng yêu kính Ngài,
Tôi càng yêu kính Ngài, tôi càng hiểu biết Ngài).

Nhân-loại đang sống dậy một niềm tin, tìm về cùng Phật-Giáo! Phật-Giáo chính là viên đá, nền-tảng của hòa-bình nhân-loại, xây-dựng một tương-lai cao-đẹp, bằng-bạc một lẽ sống, một nguồn sống, một con đường tiến « thoát-xác » khỏi tình-trạng mỏng manh, rã rời, phi lý, cuồng loạn, hoang-thốt, vô vọng.. của Con Người và hiện nay là « cương-lĩnh cho đời sống một phần lớn nhân-loại »

Là Tăng-sĩ — người truyền-tiếp Ánh Đạo Tinh-thương, hãy tỉnh táo sáng-suốt đặt đúng vị-tri của mình, vị-tri của người, xả thân, đón nhận tất cả, thương yêu tất cả muôn loài, muôn tâm-hồn đang sống giữa thế-sự đảo điên, hoàn cảnh loạn-ly, bàng-quơ lạc-lỡng giữa rừng sâu biển rộng trong trận-thế hiểm-nghèo của Con Người.

Là Phật-tử — con đấng Từ-Tôn, cần phải tỏ ra mình là Phật-tử, đối-diện với tất cả khổ đau, sáng-suốt suy-tư hoạt-động của mình, tự tỉnh, tự kiểm-soát chặt-chẽ rung cảm, tự thẳng mình từng giây, từng phút nhằm thực-hiện mục tiêu « HIỆN-ĐẠI-HÓA-PHẬT-GIÁO », đưa đạo Phật vào lòng người, lòng xã-hội ly-loạn, rã rời này... Nhưng không để « thường-tình của con người » níu lại làm lạc hướng xoay chiều hoạt-động của Giáo-Hội Tăng-Già — một tập-thể Gương mẫu, Hoàn-Toàn duy-trì tâm-đức của Con Người.

Con Người, chúng ta hãy tuyệt đối trung thành và tin tưởng làm tròn sứ mạng thiêng liêng trong công cuộc

siêu-hóa-ngã-chấp, giải phóng con người và giải phóng tâm linh, nối cuộc đời vô-thường, khổ đau, vô-ngã, bất tịnh vào cuộc đời thường, lạc, ngã, tịnh bất-biến, lập thế quân bình trong tâm hồn và trong cuộc sống của Con Người — mỗi tương quan cao đẹp trong xã-hội, dung hợp với tình cảnh Con Người thời đại.

Niềm tin thể hiện: Đức Phật Sākaya Muni, với giáo lý thực-nghiệm linh-động và huyền-diệu, dạy Con Người những phương pháp làm người đầy-đủ-ý-nghĩa-Con-Người « Nhân thị tối-thắng », biết sống, sống rộng, sống mạnh... Và chỉ có lòng Từ-bi, Bình-đẳng của Đức Bồn-sư Sākaya Muni chỉ có cuộc cách mạng vĩ-dại của đấng Từ-Tôn Thiên-nhân Sư Sākaya Muni mới cứu vớt được Con Người, mới là nơi nương náu của Con Người, mới đủ thắng-nghĩa đồng nhân-hóa thế-giới, mở con đường mới cho tư-tưởng hiện tại Giải-thoát An-lạc.

Niềm tin thể-hiện! Một niềm tin cao đẹp phá-tan tất cả mây mờ đen tối của cuộc đời, giác ngộ Con Người truyền hóa cuộc đời. Một viễn-tượng Hoàn-toàn Trong-sạch, Gương-mẫu của Con-Người: cuộc Triển-khai Phật-giáo và Hiện-dại-hóa Phật-giáo.

Niềm tin thể-hiện! Tin-tưởng cao đẹp nơi mình, nơi người, nơi tất cả... bao thù hận, áp-bức bất công sẽ lắng xuống nhường chỗ cho ánh sáng Tinh-Thương Cao Rộng để hết thấy... được tắm gội trong biển giáo-lý của Ánh-đạo-vàng muôn thuở — Đạo-Phật của chúng ta!

Viên Ngọc quý đã sáng tỏ! Hoa Từ-bi đã nở, nhân loại sẽ an vui!

Hãy mở rộng cõi lòng, đón nhận ánh sáng từ-quang soi tỏ cho chúng ta hôm nay và ngày mai!

Niềm tin đến với chúng ta! Hãy tinh-tiến làm hiện-lộ ánh-sáng viên ngọc của chính mình! Mỗi bước đi.. là mỗi bước tiến gần đến Chân-lý vậy.

Tịch

ương

ca

*

của

THẠCH

TRUNG

GIẢ

22

Có ai hát ở dưới gầm Giang-Khẩu
Có ai hò xa hút tiếng thê lương
Mười năm qua trở lại một con đường
Nghe tiếng hát ở dưới gầm Giang-Khẩu
Nghe tiếng hát thời xưa còn ghi dấu
Phải chăng người chị cũ đã ru ta
Bao nhiêu năm xưa trong buổi dương tà
Khi lấp lánh hiện lên vài tinh đầu
Khi bát ngát tầng xanh nhường vang thâu
Khi nhật cầu leo lét vũng chu sa
Hẹn hò nhau thuyền khắp mọi giang hà
Soi lạng lẽ ở trong đèn vũ trụ
Khi xa hút ngàn khơi hòa hơi gió
Vọng đưa lời lên tự cõi Hư Vô
Biển mang mang trùng điệp dáng mơ hồ
Bằng khoáng kể chuyện hôn hoàng kim cổ
Ta ra đi

Phất tay người cô lữ
Một xuân đầu chân dẫm ánh sương rơi
Tám khinh y khoát khoát ngợp hương trời,
Thần vạn hiệu ở trong lòng đôi mắt
Qua thế giới chạm muôn trùng đồng sắt
Ngập óc lầy ngáy ngất khí tanh hôi
Trông tang thương biển ảo cõi luân hồi
Nghe quyền khóc động hoang thành dưới nguyệt
Ta ra đi

Tóc xanh lăm sương tuyết
Mảnh linh hồn du khách xứ u minh
Thần thành thần phát nguyện tám chân tình
Tầm lừa Giác đốt trong lòng có linh
Sao tinh giắc giữa muôn loài chưa tình
Hình không hình tan tác cõi âm ba
Trường trường thương thâm kiếp buổi thu già
Hàng hàng niệm giác Thần Nga xuất hiện

Ta ra đi

Vút trên đàn chim én

Hội tình cần khai thác xứ Vô Cương
Gọi tình vẫn thăm hỏi giữa Mê Trường
Nghe vạn thế ngủ trong lòng khinh khí
Lượng tình vẫn ngoạn trông về Vô Thủy
Ngán ngờ cùng như lắng tiếng Vô Chung
Ai qua đây? Nào đâu Vết Oai Hùng?
Ai hằng sống để đời đời ngự trị

Ta ra đi

Thần tan lòng đau xé

Rợn canh gà eo óc bến Mê Sinh
Ta là ai?
Thác mắc buổi vân trình
Khấp hoàn vũ vô tình trong giấc mộng

Ta ra đi

Phất tay vào không rỗng

Đạp chư thân lân lộc dưới tha ma
Tầm sét vang! Tàn khắc chuyển trăm tòa
Vô sở khách ở dưới trời vô đạo
Ói hoàng hốt là nghe lời Giang-Khẩu
Ói kinh hoàng khi lắng tiếng ru xưa
Hỡi ai xưa mà lên tiếng xa hò
Buốt tủy sống của con người trở lại
Ai ai hỡi mà ru hời ru hời
Mà xa hò xa hát tiếng bi thương
Than niềm riêng mà cả cõi vô thường
Như gương đó trả cho người tướng ảnh

Ta ra đi

Tồn vong đời sư mãnh

Đoạt giang đầu băng gót tới Hi-Sơn
Nguyễn tử sinh tầm Giác buổi hôn cuồng
Nguyễn giải thoát của muôn loài mê ảo
Có ai hát ở dưới gầm Giang-Khẩu.

Tịch

ương

ca

*

của

THẠCH

TRUNG

GIẢ

23

Trên đường

CỨU TRỢ

THÍCH-NỮ THỀ-QUÁN

TÔI vừa tụng kinh ra, thì nghe tiếng điệu Hiền dựng lên ngoài cửa:

— A, Sư cô về, Sư cô về. Hiền chạy vào lấy chìa khóa cửa, thế là 4, 5 điệu ù chạy cả. Nga-mi thì phi nước đại cái đuôi vẩy lia vẩy lịa ».

Tiếng Sư cô ở ngoài cổng vọng vào: « thôi con, vầy vừa vừa kéo rụng đuôi đi chừ ».

Tôi ra đón Sư cô tận ngoài sân tịnh thất giữa hai cây bích đào nở rộ:

— Pháp muội được bình an trên đường cứu khổ?
Sư cô vui vẻ pha một chút khôi hài bởi câu hỏi cầu kỳ của tôi:

— Kính bạch đại tỷ: trên đường cứu khổ, chúng em gần chết cả ạ.

Sư cô đi thẳng vào bái Phật giữa cái ngạc nhiên của tôi. Chúng tôi cũng vào tịnh thất.

— Thế đại tỷ không nghe tin chi cả à?

— Có nghe người ta đồn họ bán hai Ni cô, một chết và một bị thương, song tôi không tin.

— Nhưng giá em chết thì sao?

— Thì tốt chứ sao?

— ???

— Thật thế, còn chi đẹp bằng người tu hành được xả thân trên đường cứu khổ. Tôi tiếc rằng mình già yếu không thể tháp tùng theo phái đoàn để được làm những công việc đầy ý nghĩa ấy. Rồi đây vì già, bệnh mà chết thật vô duyên. Và lại người xuất gia sống thì làm việc Phật, chết thì về nước cực lạc, chỗ khứ lai đã minh bạch thì chết là tốt chứ sao. Vì thế khi nghe tin đồn tuy không tin, nhưng tôi cũng đề phòng là làm một bài điều văn để ghi vào tiểu sử của Sư cô đấy.

— Ô thế thì tốt thật, nhưng điều văn cụ làm chưa xong thì em lù lù về kêu cửa, đại tỷ có tướng ma hiện hồn về không?

— Thôi, hành trình nguy hiểm ra sao? Sư cô kể cho tôi nghe đi?

— Rồi đại tỷ đọc bài điều văn cho em nghe hý, mà đọc cái dạng hê ha hề hà cho hay đã! Pháp muội tôi vừa nói, vừa soạn hành lý ra và đưa cho tôi một tập giấy: Để thay việc tường thuật, em ghi lại mấy điểm đáng kể gọi là món quà của một chuyến đi, đem về tặng đại tỷ đây.

Tôi niềm nở đón tập giấy của Sư cô:

— Thế này thì quý quá, tôi đang túng bài Liên-Hoa đây, xin thăm tạ.

— Chui cha, em đi có hơn tuần lễ mà bữa nay đại tỷ khác hẳn, nói ra là thơm cả mùi văn chương...

Tôi lật vội tập giấy:

« 12 giờ 10 phút ngày 20-11 Giáp-thìn.

... Đòi đau khổ con thè ra trước

Dù gian nguy chí cả không sờn

Cứu chúng sanh là báo Phật thâm ân

Lời vàng ngọc con hằng ghi dạ...

« Chúng tôi tụng bài phát nguyện chưa xong, bỗng nghe một loạt súng nổ vang trời người ta xô xao, họ bảo nhau chắc hai bên sắp chiến.

« Nơi đây là một con sông rộng và dài, thông thương từ tỉnh Quảng-Nam đến quận Duy-xuyên về Đức-dục. Trên khoảng sông này 2 chiếc ghe của phái đoàn chúng tôi đi sau đoàn ghe của chánh phủ chừng 6, 7 chục thước, đoàn ghe chánh phủ có đến 80 chiếc, chở gạo và xăng lên mỏ than Nông-sơn. Hai ghe chúng tôi chở 83 bao gạo, 100 bao áo quần, 10 bao muối, 2 két vị trai, 1 két sữa và hai thùng thuốc tây khá lớn. Trên ghe chỉ có 6 chị em chúng tôi, 2 vợ chồng bác lái đò và một em gái chừng 12, 13 tuổi.

« Súng bắn liên thanh có cả móc-chê và canh nông, xa xa tàu bay thả bom khói bay mù mịt một góc trời, hơi thuốc súng xông nặc. Bỗng nhiên thấy đoàn ghe chánh phủ đều dừng cả lại, súng trên bờ cứ bắn vèo vèo nghe rất khủng khiếp, chúng tôi chỉ còn biết chấp tay đồng thanh kêu niệm: Nam mô Tầm-thanh Cứu-khổ Quán-thế-Âm bồ tát. Một lúc lâu tiếng súng vừa tạm ngưng, tôi bảo bác lái ghe cứ đi liệu đi, vì thấy ở đây không tiện.

« Ghe chúng tôi vượt khỏi đoàn ghe chánh phủ. Vừa đi nghênh ngang được một khoảng ngắn thì súng trên bờ lại xả ra như mưa, khói đạn mịt mù thật là hãi hùng, chúng tôi nghĩ không còn có cách nào thoát khỏi tai nạn này nữa.

« 6 chị em đồng chấp tay niệm lớn: Nam mô Tầm-thanh Cứu-khổ Quán-thế-Âm bồ tát.

« Chị dò sợ quá lời tuột em bé, dờ ván chui tuột xuống lòng ghe, nhưng còn lo anh chồng nên thỉnh thoảng chị lại nhô đầu lên bảo chồng: ba hấn niệm đi, niệm nam mô Đồng thanh cứu khổ đại bi Quán-thế-ông bồ-tát đi, rồi chị hoảng hốt hét em bé: còn cái con này nữa, miệng để đầu mà không niệm với các cô? niệm đi: Nam-mô đồng thanh cứu khổ Quán-thế-ông bồ-tát, nhờ ông bồ-tát cứu cho chứ không thì chết

trạm cả ghe đầy, Nam-mô đồng thanh cứu khổ Quán-thế-ông
bồ-tát. Chúng tôi cũng phát cười với chị.

« Súng vẫn bắn liên thanh, họ nhắm ngay ghe chúng tôi,
một viên đạn trúng ngay cột buồm nhưng may sao chỉ nứt
một mảnh nên không can chi, 3 quả móc-chê cũng được bắn
ra song đều rơi xuống nước, có mảnh rơi vào ghe còn nước
thì tung tóe dội mạnh chiếc ghe như sóng thần vậy, vì móc-
chê nổ cách ghe chừng 3, 4m.

« Thật là một cảnh khủng khiếp rùng rợn phần lo sợ cho
mấy chị em, phần nghĩ thương những đồng bào đói rét bệnh
hoạn đang nheo nhóc ở nơi xa xôi hẻo lánh, nay có áo quần
gạo muối thuốc thang thế mà rủi ghe có việc gì thì những
tặng phẩm đây đành chìm xuống nước. Nghĩ đến đồng bào,
nghĩ đến 6, 7 chúng tôi thân gái dặm trường bênh bồng nơi
đất khách gặp tai nạn như thế này chẳng biết có thoát khỏi
không? Chúng tôi chỉ còn một cách là ráng hết sức niệm
Phật lớn để át tiếng súng và chỉ còn cách là đợi chết nữa
thôi. Nhưng thật lạ Phật, lạ bồ-tát Quán-thế-âm, chúng tôi
đã thoát khỏi tai nạn một cách bất ngờ. Tỉnh ra súng bắn
từ 12 giờ trưa mãi đến 8 giờ tối mới dứt. Nơi đây thuộc
quận Duy-Xuyên, xã Mộ-hòa, ấp Mỹ-Lược.

« Sau một ngày hoảng sợ, chúng tôi lại bênh bồng giữa
lòng sông rộng và dài, lên hai ba thác nước nữa mới đến
Xã Sơn-Khương. Kể ra từ tỉnh Hội-an lên Sơn-Khương đi
3 ngày ghe mới đến.

« Chúng tôi cho ghe đậu một chỗ rồi mấy chị em. phân
phối làm 3 đoàn, mỗi đoàn phải thuê xuồng nhỏ mới có thể
đi đến những nơi hẻo lánh xa xôi. Nơi đây thật là chốn sơn
cung thủy tận, dân cư đã thưa thớt lại càng thưa thớt
hơn, sau một trận thiên tai khốc liệt nhà cửa sụp đổ tan tác
có chỗ bằng địa không còn phân được ranh giới nữa. Thật
là tang thương dồn cả lên người dân quê. Ôi! Có ai ngờ
được trên thế giới vẫn minh khoa học này lại còn những đồng

bào bị thiệt thòi đến thế? đã sống trọn đời trong đen tối mà trời cũng còn hại nữa thật là bất công!

« Chúng tôi chở đi 83 bao gạo, 100 bao áo quần với một ít tiền thế mà mỗi gia đình chỉ được có chút đỉnh (vì chia đi đến 21 địa điểm).

« Tuy thế đồng bào rất cảm động khi thấy chúng tôi là những ni cô còn ít tuổi và yếu ốm, nên có nhiều bạn rung rung nước mắt và nghẹn ngào khi thốt ra câu nói:

« Quý sư cô không ngại gian lao nguy hiểm mà đến đây với chúng con, chia xẻ nỗi đau khổ cùng cực với chúng con như thế này chúng con cảm thấy lòng từ-bi đối với các con đã trọn vẹn nên dù quý cô cho một nắm gạo một hạt muối chúng con cũng rất cảm động.

23-11. —

« Trưa nay chúng tôi chia nhau một đoàn phát thuốc và tặng phẩm còn một đoàn chuyên đi tìm xác chết để chôn. Và đây là những xác chết ly kỳ: Chúng tôi đến một nơi, làng này bị nước lụt xoáy mạnh nên đất rã làm hai nghĩa là ở giữa khoảng đất liền nay thành một thung lũng khá sâu, nhà cửa đồng bào sụp đổ điêu tàn, cây cối cũng gãy đổ ngổn ngang chặn cả lối đi; chúng tôi phải khó khăn lắm mới đến được nơi người mách có xác chết. Đây một xác chết mà không còn phân biệt được đàn ông hay đàn bà, nạn nhân nằm chúi đầu xuống thung lũng, hai chân móc vào mấy bụi cây rậm, một thân cây lớn đè ngang trên lưng, chung quanh rễ cây chằng chịt mọc vương vào thân tử thi. Lạ nhất và không kém cảm động là bên nách tử thi kẹp một con chó khô queo, da thịt nạn nhân có chỗ thì khô hết nhưng có chỗ còn nhùng nhình và lều phều cả nước khi đụng vào. Thật không thể nào đem trọn tử thi lên được, chúng tôi đành lấy dầu hỏa rưới vào và đốt, rồi tháo lượm bao nhiêu xương bỏ vào bao chôn cất tử tế. Một xác nữa cách đây chừng 50 m, tử thi ngồi khoanh tay, cả người khô queo chỉ dơ hai hàm răng trắng phều như cườm cho thế sự.

« Trong lúc chúng tôi đang làm công việc trên, thì có một thiếu phụ đến tìm chúng tôi. Trông chị mặt mày hốc-hác phờ phạc như người bệnh. Chị cho biết, chị thấy một xác chết, hiện nay mùi thối xông lên ghê gớm lắm.

« Tôi hỏi chị ở đâu? chị bảo xa lắm sợ quý cô đi không được. Tôi bảo xa mấy chúng tôi cũng đi, nếu chị vui lòng chỉ cho tôi. Thế là mấy chị em vẫn tiếp tục làm việc tại đây, còn tôi thì cấp một hộp thuốc và mượn 4 bác đàn ông lực lưỡng đem theo một đôi chèo đi với chị.

« Trong lúc giữa đường chị mới tỉ tê kể lễ: chồng con cũng chết về nạn lụt này đây.

« — Tôi chưa, thế chị có con cái gì không?

« — Dạ không, chúng con mới làm bạn với nhau chưa đầy một năm, rồi chị sụt sùi: dạ anh Hai chết là vì cứu con, khi nước dâng lên thành linh thì cả hai vợ chồng con đều trôi, anh Hai con cố hết sức công con qua chỗ nước cạn rồi trở về định lấy ít đồ đạc, thì biệt tích, con biết anh con bị nước cuốn rồi, khi nước rút, con đi lang thang tìm khắp mà không gặp được. Rồi chị khóc hu hu và kể lễ: anh Hai ơi! anh chết đi bỏ em bơ vợ cửa nhà tan nát, hồn anh có linh thiêng thì dun dúi cho em gặp được để đắp điểm cho anh.

« Tôi dỗ chị nhưng chị đâu có nghe, chị ngồi trì xuống giữa đường. Ôi! chúng sanh khổ quá. Tôi chỉ biết ngậm-ngùi thương cho hoàn-cảnh chị, tôi im lặng để tôn trọng cái phút giao cảm của chị với hương hồn chồng chị, chứ không biết nói chi hơn nữa.

« Đi không xa lắm đã đến một khoảng đồng vắng hoang vu hẻo lánh, chung quanh núi rừng bao bọc, thôn xóm xa xôi không có một bóng nhà. Trước mặt núi cách xa là một con sông rộng và bên cạnh núi có một cái khe nước cạn. Chúng tôi đều nghĩ thấy mùi hôi nồng nặc, đi thêm một quãng đường vào khoản cuối khe thì ôi! một cái xác, một cái xác nằm ngọc

đờ chơn lên cao, nhưng hai bàn chơn thì đã mất hết chỉ còn 2 ống chơn, giữa thân thì bùn lấp gần như mất hẳn, đây là cái xác chị Hai chỉ cho tôi. Tôi nhờ mấy bác lấy xuống khơi khơi lớp bùn ngoài thì đục ruột của tử thi lôi ra, xông lên một mùi cực kỳ hôi ghê sợ, mấy bác gần nôn mửa nhưng họ vẫn cố gắng chịu và lật được cái xác lên. Khi cái xác được lật ra thì chị Hai bỏ ngựa gần bên đồng tử thi và bất tỉnh nhân sự, 4 bác đàn ông lực lượng như thế mà chịu không nổi mùi hôi quá lạ nên bỏ chạy cả. Chỉ còn một mình tôi giữa cánh đồng hoang-vu với một xác chết và một người nằm bất-tĩnh nhân sự, thật là rối rắm. Tưởng chị Hai vì chịu không nổi mùi hôi nên chết giấc, tôi dìu chị ra xa một chút, bẻ một ống thuốc khoẻ cho chị uống và lấy dầu nóng thoa cùng mình cho chị, được 4, 5 phút thì chị tỉnh lại và phập phều: Anh Hai ơi! có ới! Xác chồng con có ới. Rồi chị lại nhào mình vào đồng xác. Tôi lôi chị ra xa và kêu vọng thật to để mấy bác ấy nghe, rồi điều đình với họ chỉ còn có cách là mua một chai rượu cho họ uống để làm công việc cho xong chứ không lẽ để thế.

« Trong lúc ấy thì chị Hai kể cho tôi nghe: Vì khi lật cái tử thi ra thì chị nhìn được một mảnh quần cụt màu nâu tươi và nhất là nhờ có cái nịt lưng của anh Hai. Chị tiếp: Ngót tháng nay con cứ đi vợ vợ vắn vắn qua lại đây luôn, lần nào đi qua đây con cũng cứ bâng khuâng buồn bã, nhưng con không nhận ra, là vì đất bùn phủ lấp người anh... Song tội quá, cái đầu không tìm ra được nữa. Mấy bác uống rượu vào thì không còn biết gì cả, tôi bảo mấy bác cào lần tử thi vào trong chiếu rồi cột lại và chôn cất đắp thành nấm mộ tử tế. Chị Hai đi mua hương đem về, tôi để chị than khóc với anh cho vơi bớt niềm đau khổ. Chúng tôi trở về ghe thì trời nhá-nhem tối...

« Tỉnh ra đoàn chúng ta đi được 21 địa điểm mất 7 ngày đường, đợt này là đợt thứ hai, đây thuộc về xã Sơn-Ninh ấp Đông-An, nơi phái đoàn của sư cô T. T. đã chôn được 57 xác chết, tôi chắc cũng còn nhiều tử thi các chỗ hiểm trở chưa chôn được... Nhưng vì tình thế không yên, chúng tôi được lệnh phải trở về.

« Lạy Phật cầu cho chúng sanh tiêu trừ tội nghiệp để hưởng được đời sống an-lành. »

Người Quân-nhân

★

Phật-tử

★

VĨNH-XUYỀN

NHỮNG người hằng ngày hy sinh xương máu, cam chịu tàn phế và biết bao gian khổ thiết thòi khác, trên khắp các chiến trường, những người đó — anh em quân nhân mà đa số là Phật-tử — chắc hẳn có quyền và có bốn phận được biết sự hy sinh của mình có phải là đang phụng sự cho những đối tượng cao cả là Tổ-quốc và dân tộc hay không ; hay là, sự hy sinh đó đang bị đánh lạc hướng và bị lợi dụng để hậu thuẫn cho một đảng phái nào, một tín - ngưỡng nào, một nhóm người nào, một địa - phương, một lãnh tụ hay cá nhân nào khác chăng ? Họ cần biết điều đó để được yên trí mà tiếp tục hy sinh, khỏi phải sống trong tâm trạng băn khoăn, thắc mắc, đau đớn và uất hận, mỗi lần nhận thấy sự hy sinh của mình bị khai thác bóc lột cho những mục đích tự tư tự lợi như đã xảy ra dưới triều Ngô mà người quân - nhân đã phải đôi ba phen vùng lên phản ứng, để rồi nắm lấy thắng lợi đầu tiên trong cuộc Cách-mạng tháng 11-1963, giành lại quân-đội cho Tổ-quốc và dân tộc, đánh tan mọi âm mưu lợi dụng « vạn cốt khô » cho những mục đích tư kỹ, đi ngược lại quyền lợi chung.

Để đi đúng trên đường hy-sinh ấy, khỏi bị cướp công và lũng đoạn, thì trong sự sinh hoạt hằng ngày, người quân-nhân Phật-tử không thể nào mù quáng và đại dốt được ; trái lại, phải thực tế, sáng suốt, khôn ngoan mới có thể giữ vững tất cả những phẩm vật hy-sinh cao cả của mình để cung hiến

lên Tổ-quốc và dân-tộc đúng theo sở nguyện của mình, khỏi bị bọn lưu manh gian xảo thủ đoạn phồng mắt. Muốn vậy, người quân-nhân Phật-tử phải phát huy cao độ ba đức tính căn bản là BI, TRÍ, DŨNG, lấy đó làm tiêu chuẩn để tư-tưởng, nhận xét, phán đoán, sáng kiến, hành động và kiểm thảo, thì mới tránh khỏi sai lầm và sự lợi dụng của kẻ khác.

Thật vậy, chỉ có Tổ-quốc và dân-tộc mới là mục tiêu duy nhất mà anh em quân nhân Phật-tử phải phụng-sự. Giấy phút cây súng được đặt vào tay người quân nhân, trọng đại và thiêng liêng biết bao! Vì Tổ-quốc và dân-tộc hoàn toàn tin nhiệm người chiến-sĩ ngay trong giây phút trao tay cái phương tiện tối hậu và quyết liệt đó để người chiến-sĩ bảo vệ sự sống còn của đất nước. Cũng chính trong ý-nghĩa đó, người chiến-sĩ mới có thể hãnh diện được cầm súng. Cầm súng để « thể thiên hành đạo », cầm súng để « cứu khổ phò nguy », không làm ngơ trước một sự bất bình nào, không bỏ qua một điều nghĩa nào, un đúc và phát huy tinh-thần thượng võ, trọng phu, hiệp-sĩ; cầm súng để « đem vui cứu khổ », tức cũng là từ-bi nhân lấy và diệu dụng một phương tiện cuối cùng để chống trả thù nghịch, tàn bạo, áp bức độc tài, xua đuổi xâm-lăng cướp nước giết người, gieo rắc tang tóc và đau khổ. Như vậy, người cầm súng phải là của chung của quốc-gia dân-tộc, chứ không thể là của riêng ai được chiếm độc-quyền, « dĩ công vi tư ». Trong mục đích chân chánh cao thượng đó, người cầm súng không chịu để cho bất cứ một cá nhân nào khống chế, áp lực, mua chuộc, ve-vãn, lợi dụng để thỏa mãn những tham dục riêng. Và chính bản thân người chiến-sĩ cũng không bao giờ chịu để cho những cảm dỗ thấp hèn lôi cuốn vào những hành động phản dân hại nước.

Thương xác qua một quan-niệm phụng-sự như thế và để cao cảnh giác như thế, chính là để củng cố sức mạnh đoàn-kết và hy-sinh quả cảm của các lực lượng võ trang hầu bảo vệ hữu hiệu hơn, tổ-quốc, dân-tộc, tín-ngưỡng, các giá trị cõ-

truyền cao đẹp, các tự-do dân-chủ và công bằng xã-hội..., trong tinh-thần « nghĩa công là trọng niềm tây sá gì ». Có như vậy, người quân nhân mới đủ mạnh để làm phận sự, có như vậy người quân nhân mới được đầy đủ uy tín trước dân chúng, mới nói được « tình quân dân cá nước », bởi đức tánh hào hiệp, hy-sinh hằng cứu giúp người dân, bởi đức tánh hoàn toàn vô tư trong sự phụng-sự Tổ-quốc và dân-tộc.

Quân nhân là « những người con yêu quý nhất của Tổ-quốc ». Vậy chỗ đứng của người quân nhân bao giờ cũng là trong hàng ngũ dân-tộc, không thể xa lìa được, không thể là « siêu dân-tộc » được. Vậy, anh em quân nhân Phật-tử cần dứt khoát óc bè phái và cương-quyết từ chối mọi sự đề cao và tôn sùng cá nhân thường đưa đến những lãnh-tự độc-tài và huênh-hoang. Lại đã là người bảo-vệ quê hương xứ-sở, thì người quân nhân không thể nào thừa nhận những tên phản dân hại nước, đục nước béo cò, điều mà người quân nhân đã có lần chứng tỏ trong cuộc cách-mạng gần đây, nắm vững truyền thống trừ gian khử bạo...

Đem mạng sống can trường trước hiểm nguy, xem thường cái chết, « gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng mao », thì người Phật-tử đâu có ngại dột để hệ lụy và chi phối bởi sự phú quý, bởi sự nghèo nàn, bởi những thứ bạo lực uy vũ khác, để phải sa đọa vào những mưu mô mua chuộc, chia rẽ, phá hoại của những kẻ thù của dân-tộc !

Người quân nhân Phật-tử sẵn sàng đoàn-kết với tất cả anh em quân nhân và chiến-hữu thuộc các tôn-giáo khác để cùng nhau phụng-sự tích-cực và sáng suốt những mục phiêu duy nhất nói trên, tiến đến một địa vị xứng đáng trước Tổ-quốc và trong lòng quý mến của dân-tộc, bằng những thành

tích thực sự cứu dân cứu nước, hơn là tin-tưởng địa vị của mình vào những văn kiện nào khác.

Người quân nhân Phật-tử hiểu danh dự mình là thế nào, sống không nhục mà chết được vinh.

Họ hiểu rằng danh dự của họ chỉ có thể là đem toàn lực và hy-sinh thân mạng trong một tinh-thần vô-úy-thí trọn vẹn, hiến dâng Tổ-quốc và dân-tộc, trong tất cả mọi công cuộc trừ gian diệt bạo chống xâm-lãng, đem lại an-ninh thanh-bình cho xứ sở, để xây dựng một xã-hội an lành đẹp đẽ hơn với các tự-do dân-chủ và công-bằng xã-hội. Họ tranh đấu âm thầm nhưng quyết liệt để giải thoát một tổ quốc và một dân tộc đã liên miên đau khổ đến tột độ đang bị chia rẽ và dày xéo bởi tất cả mọi thứ tham dục liên minh. Họ muốn tranh đấu như những lớp người trai tráng trải qua lịch sử đã nêu cao tinh-thần bất khuất đấu tranh bền bỉ và hào hùng cho tình thương đoàn-kết chống tàn bạo áp bức, những lớp chiến sĩ đã làm vơ vang lịch sử dưới quyền lãnh đạo Bi Trí Dũng của các danh nhân danh tướng thấm nhuần đạo pháp như Lý-công-Uân, Lý-thường-Kiệt, Trần-hưng-Đạo... Và trên hết, họ hiểu rằng đối với Phật tử, vinh dự đâu phải là vàng bạc châu báu, quyền cao chức trọng thoáng qua rồi phụt mất.

Tóm lại, người Phật tử quân nhân muốn hiểu rộng thêm rằng danh-dự của mình là dùng những phương tiện sẵn có để ĐEM VUI CỨU KHỔ cho tổ quốc và dân tộc.

Người quân nhân Phật tử hy sinh hạnh phúc và thân mạng để làm tất cả những việc đó với một nụ cười giải thoát, và đó chính là địa vị chân chính mà người Phật tử hàng muốn nhắm đến.

Những tiếng nói chân xác và cương quyết đầu tiên của

giới quân nhân Phật tử đã được chính thức phát biểu tại chùa Diệu-Đức (Huế) ngày 24-10-64. trước mặt các vị Tăng Ni và các vị chỉ huy quân chánh cao cấp, đã nêu cao tinh thần cảnh giác, trí tuệ của người quân nhân Phật tử, qua lời tuyên bố của vị đại diện quân nhân Phật tử SĐI/BB Khu XI Chiến thuật: « Không lúc nào bằng lúc này, Quân nhân « Phật tử nguyện luôn luôn học và hành giáo lý thâm sâu Đức « Phật để **KHAI THÔNG TRÍ TUỆ**, giữ vững niềm « **CHÁNH TÍN DŨNG MÃNH** và **BÁT KHUẤT « TRƯỚC BẠO LỰC** và **UY QUYỀN CỦA NGOẠI « VỌNG**. Càng thiết tha nghĩa vụ cao cả với non sông đất « nước, đậm tình với tự do dân chủ thời càng **NHẤT « TÂM VỚI TÍN NGƯỠNG** viên thành **BỔN PHẬN « CỦA MỘT PHẬT TỬ** trong giai đoạn hiện tại ».

Sáng suốt **GIÁC** và **HẠNH** trong nghĩa vụ phụng sự Tổ quốc và dân tộc, tưởng đó là ý nguyện của tất cả người quân nhân Phật tử hiện là một đa số tuyệt đối trong quân đội, để cứu nguy tổ quốc và dân chúng, đó là một vấn đề vô cùng trọng đại có tánh cách quyết định tồn vong mà anh em quân nhân Phật tử đang phải nghĩ nhiều đến.

Hình ảnh của người chiến sĩ nói chung, của người chiến sĩ Phật tử nói riêng là hình ảnh của chính đức **HY SINH** trọn vẹn, hình ảnh của những tấm ván **CỨU MẠNG** cho một chính nghĩa siêu việt vị tha cứu nước cứu dân trong cơn nguy biến.

Mọi người đều có bổn phận bảo vệ và giữ gìn cho tấm gương trong sáng và cao đẹp của đức hy sinh ấy khỏi bị những tham dục ma-vương làm hoen ố vẩn đục trước lịch sử đang minh mẫn phê phán.

ANAGARIKA DHARMAPALA

A-DỤC VƯƠNG CỦA TÍCH-LAN

BUDDHADASA P. KIRTHISINGHE(*)

THÍCH TRÍ CHƠN dịch thuật

ĐẠI-đức Anagarika Dharmapala xuất hiện như một vì sao chói sáng trong lịch sử Tích-lan bởi lòng nhiệt tâm phục vụ cao cả và chân thành cho xứ sở Ấn-độ thân yêu và nhân loại. Chẳng khác gì A-Dục-Vương, đời sống của đại đức cũng được hướng dẫn bởi tinh thần nhân đạo. Vào thế kỷ thứ 3 trước Tây-lịch, vua A Dục đã bành trướng Phật-giáo khắp Ấn độ, Tích-lan và Thế giới do những đoàn truyền giáo của Ngài, trong thời đại chúng ta. Đại đức Dharmapala cũng đã làm một công việc vĩ đại lợi ích cho nhân loại là phục hưng Phật-giáo và văn hóa đạo Phật ở Ấn-độ, Tích-lan, nhiều quốc gia Á-châu Phật-giáo suy đồi, cùng các nước Tây-phương thịnh hành Thiên-chúa.

Sự thịnh suy của những nền văn minh là một điều tất

hiên trong lịch sử. Cho nên thời gian từ thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch đến thế kỷ 12 sau Tây-lịch, có thể xem như là thời kỳ cực thịnh vàng son của nền Phật-giáo Ấn-độ, Tích Lan. Nhưng từ thế kỷ 12 sau Thiên-chúa, những nền văn minh này bắt đầu suy đồi. Và đến thế kỷ 16, khi người Bồ-đào-Nha, Đức và Anh xâm lăng Châu-Á thì những nền văn minh trên gần như rơi vào tình trạng suy sụp hẳn. Sự thống trị này của ngoại

* *Buddhadasa P. Kirthisinghe, người Sinhalese (Tích Lan) sang cư ngụ tại Hoa-Kỳ, là một kỹ giả tự do. Ông là hội viên của Hội Bạn hữu Phật-tử Nữ Ước (New-York) có chân trong Hội đồng Cố Vấn Trung tâm Phật-giáo Hoa-Kỳ ở Hoa-Thịnh-Lốn, cũng là Hội-viên của Hàn-Lâm viện Phật giáo Mỹ quốc. Hiện ông rất chú tâm đến việc phát triển Phật-giáo tại Hoa-Kỳ, nơi ông tin tưởng có thể bành trướng lớn lao về tôn giáo này.*

(Chú thích của người dịch)

bang đã phá hủy nền văn hóa cổ truyền của xứ sở và những đoàn truyền giáo Thiên Chúa đã được dịp phát triển mau lẹ tại các quốc gia trên ở Châu-Á. Nhiều trường học Thiên-chúa đã được thành lập bởi các giáo-hội Thiên-chúa. Những trẻ em Phật-tử bắt buộc phải đến học tại các trường này và các Phật-tử không tránh khỏi bị cưỡng bức đi lễ ở nhà thờ. Thêm vào đó, người ta còn dùng áp lực kinh tế để khuyến dụ các Phật-tử vào đạo. Thật là một thời kỳ tủi nhục, giai đoạn mà người con Phật cảm thấy sợ sệt mỗi khi tự nhận mình là Phật-tử và nền văn hóa Phật-giáo bị suy đồi thảm hại. Chính giữa lúc Tích-lan gặp cơn quốc biến này, một hải-nhi thuộc gia đình phú quý Sinhalese đã ra đời tại Colombo (Tích-lan) để sau trở thành vĩ nhân, hướng dẫn dân-tộc ông phục hưng lại nền văn hóa và đạo lý cổ truyền cao quý của quốc-gia. Hải-nhi đó tên là David Hewavitharne và sau mang pháp danh là Anagarika Dharmapala, sinh ngày 17-9-1864 và mất ngày 27-9-1934.

David Hewavitharne được giáo dưỡng trong văn hóa

Sinhalese, xây dựng trên nền tảng nhân sinh Phật-giáo. Lòng thành kính chánh pháp của cha mẹ ông đã rèn luyện cho ông có được cái đạo hiểu cổ truyền, vốn là di sản của dân tộc ông từ hơn 2.500 năm về trước. Noi gương hai thân sinh, hằng ngày ông sống quy y theo Phật, Pháp, Tăng và giữ gìn 5 cấm giới theo tập tục của hàng dân chúng. Số kiếp ông sinh ra như để trở thành một nhân vật cao cả và một đệ tử nhiệt thành của đức Phật. Thay vì chạy theo những cám dỗ của xã-hội tân tiến bấy giờ, ông đã sống một cuộc đời trong sạch và bình dị, tránh xa những ý tưởng tội lỗi và bất thiện. Theo tục lệ Phật-giáo, bài học vỡ lòng tiếng Sinhalese đầu tiên của đứa trẻ phải do một nhà sư chỉ dạy. Do đó, không ai ngạc nhiên thấy rằng Dharmapala đã thụ giáo bài học khai tâm với Đại-đức học giả Siri Sumangala, giáo sư Đại-học đường Vidyodaya Pirivena, tức trường Đại-học Vidyodaya của Tích-lan bấy giờ. Sau khi theo học một vài trường Thiên-chúa-giáo, Dharmapala vào dự học ở trường Anh-quốc giáo phái tại Kotte cách Colombo 6 dặm. Tại đây, Dharmapala bị bắt

bước đi lễ nhả thờ vào lúc 7 giờ 30 mỗi sáng cùng để nghe giảng kinh Thánh (Bible) hằng ngày. Về sau, Dharmapala xin vào học tại trường Đại-học Thánh Thomas gần Colombo. Đây là một trường giáo-dục cao cấp của Thiên-chúa, có một kỷ luật rất nghiêm khắc. Và trong thời gian này, điều đã khiến cho Dharmapala giữ được tín-ngưỡng Thích-Ca là chính bởi những đức tính khoan dung và kính trọng các tôn giáo khác của Phật-giáo cùng nhờ ở sự hấp thụ sâu xa giáo lý đức Phật nơi hai thân sinh ông ta. Ngày nay, nhờ ảnh hưởng công trình sâu rộng lớn của Đại-tá Phật-tử Olcott (Hoa-kỳ) và Đại-đức Dharmapala mà tất cả những con em Phật-tử đều được hấp thụ nền học vấn Sinhalese và Phật-giáo tại bất cứ trường nào chúng theo học.

Tháng 5 năm 1886, Đại-tá Olcott và bà Blavatsky (người Nga) đến Colombo là một biến cố trọng đại trong phong trào phục hưng Phật-giáo tại Tích-lan. Cả hai là những nhà sáng lập Hội Thông Thiên Học thành phố Nữu-ước (Mỹ-quốc). Trước kia họ từng liên lạc mật thiết với Đại-đức Migettuwatte Gunananda một

danh tăng diễn thuyết tài ba, đã nhiều lần đánh bại những giáo sĩ Thiên-chúa trong các cuộc tranh luận tôn giáo được tổ chức công cộng tại Panadura vào năm 1873. Giáo lý cao siêu của đức Phật đã vượt thắng mọi giáo-điều của Thiên-chúa. Và chính những cuộc tranh luận này đã ảnh hưởng đến quyết định sang Tích-lan tìm hiểu Phật-giáo của hai nhà sáng lập Hội Thông Thiên Học trên. Có thể nói rằng, hành động đến Galle, miền Nam Tích-lan, ngày 21-5-1880 của Đại-tá Olcott và Bà Blavatsky để làm lễ quy y Tam-Bảo và thọ ngũ giới với một đại sư Tích Lan đã ảnh hưởng sâu xa đến tâm hồn chàng thanh-niên Dharmapala. Và chính Dharmapala cùng với hai thân sinh của người cũng có tham dự trong buổi lễ này. Đây là một biến cố trọng đại, lần đầu tiên trong lịch sử Phật-giáo Tích-lan đã có hai người Tây-phương đến xứ này để công khai thọ lãnh Phật-pháp. Hành động quy-y Phật của bà Blavatsky và đại-tá Olcott đã mở đầu một kỷ nguyên mới cho lịch sử Phật-giáo Tích-lan.

Năm 1883, một đám đông tín đồ Thiên-chúa đã đánh phá một đám rước Phật-giáo

ngay tại trước nhà thờ Thiên Chúa ở Kotahena, phía bắc Colombo. Việc này khiến cho thân sinh của Dharmapala vô cùng căm tức và từ đó ông nhất quyết không cho con ông đến học các trường Thiên Chúa nữa. Dharmapala bị bắt buộc phải rời Đại-Học-Đường Thành Thomas và mấy tháng đầu ông được gửi đến Thu-viện quốc-gia Colombo để nghiên cứu về các môn cổ học Châu-Âu. Năm 1884, Dharmapala được 18 tuổi, đã cùng với hai nhà sư khác tham gia hoạt động cho Hội Thông-Thiên-Học tại Tích-lan. Dharmapala cũng đã trải qua một thời gian nghiên cứu với bà Blavatsky tại trụ sở Hội Thông-Thiên-Học ở Ấn-độ. Mặc dù chẳng ham thích nghiên cứu về các hiện tượng huyền-bí, nhưng bà Blavatsky vẫn khuyến khích anh ta học hỏi thêm tiếng Pali và kinh điển Phật-giáo. Khi trở về Tích-lan, bấy giờ Dharmapala đúng 20 tuổi. Ông xin phép thân phụ cho ông sống độc thân để bắt đầu hoạt động phụng sự cho Phật-giáo. Nhưng thân sinh ông do dự trước lời thỉnh nguyện này. Sau đó, Dharmapala vào làm việc ở Hội Thông Thiên Học tại Tích-lan, sống cuộc đời

như một nhân-viên thư-ký của chính-phủ. Năm 1886, đại-tá Phật-tử Olcott và đại-đức C.M. Leadbeater từ Adyar (Ấn-độ) trở sang Colombo để quyên tiền giúp cho tổ chức giáo-dục Phật-tử Tích-lan. Họ định đi khắp Tích-lan và cần một thông dịch viên vì bấy giờ họ không nói được tiếng Sinhalese.) Dharmapala lúc đó đang làm thư-ký ở Bộ Quốc-gia Giáo-dục Tích-lan, liền xin thôi việc và lập tức nhận lời giúp họ trong việc này. Thân sinh Dharmapala nghe tin hoảng hốt, nhưng bà thân ông lại bằng lòng. Sau 3 tháng đi khắp các xóm làng Tích-lan bằng xe bò (bullock cart), đến năm 1887 phái đoàn họ trở thành những hình ảnh quen thuộc trong phong trào phục hưng xứ sở của Tích-lan. Chẳng thanh-niên Dharmapala đã nói trôi chảy như đại-tá Phật-tử Olcott về mọi vấn đề xã-hội, kinh-tế và tôn giáo.

Từ năm 1885 đến 1889, Dharmapala đã dành hết cả thì giờ hoạt động cho phong trào chấn hưng đạo pháp để rồi ông nghiêm nhiên chẳng khác gì A-Dục-Vương thời xưa của Ấn-độ, trở thành nhà truyền bá Phật-giáo vĩ đại nhất của thời đại chúng ta. Trong thời

gian này, Dharmapala cùng với đại-tá Phật-tử Olcott thành lập tờ tuần san « Sandarasa » bằng tiếng Sinhalese và tháng 12 năm 1888 lại cho phát hành số đầu tiên tạp chí « Phật-tử » (The Buddhist) bằng Anh - văn do đại-đức Leadbester làm chủ-nhiệm. Tạp chí này sau trở thành cơ quan ngôn luận của Hội Thanh-niên Phật-tử Colombo (Colombo Young Men's Buddhist Association) và đến nay đã có một lịch sử lâu dài 75 năm phụng sự đạo - pháp. Năm 1889, đại-tá Olcott cùng Đại-đức Dharmapala sang Nhật-bản. Họ mang theo bức thư tố bày thiện cảm của Phật-tử Tích-lan gửi đến toàn dân chúng Phật-tử Nhật viết bằng Phạn - văn (Sanskrit). Nhật - bản là một trong vài ba quốc-gia được độc lập ở Châu Á và họ đã đóng góp một vai trò quan trọng trong sự phục hưng Phật-giáo tại những nước Á Châu. Tháng giêng năm 1891, Đại-đức Dharmapala cùng với một vị Tăng Nhật-bản, đại-đức Kozen Gunaratne sang thăm những nơi Thành-tích Phật-giáo tại Ấn-độ. Dharmapala thấy cảnh Bồ-đề Đạo-tràng (Buddha Gaya) tiêu điều hoang phế và chùa Bồ-đề Đạo-tràng bấy

giờ thuộc quyền quản-trị của một tên xấu xa trục lợi là Mahant. Đại-đức đã nhiều năm đứng ra nỗ lực tranh đấu để dành lại thành tích này nhưng thất bại. Tuy nhiên về sau Chính-phủ Ấn giáo Bồ-đề Đạo-tràng cho một ban quản trị hỗn-hợp gồm các tín đồ Ấn giáo lẫn Phật-giáo chăm sóc, đã gây được nhiều thiện cảm đối với hàng Phật-tử Á châu. Sự thay đổi này là hoàn toàn do công trình tranh đấu cương quyết của đại-đức Dharmapala cùng với sự đồng tình lên tiếng ủng hộ của hàng triệu Phật-tử khắp thế-giới. Hội Ma-ha Bồ-đề (1) do đại-đức Dharmapala thành lập tại Bồ-đề Đạo-tràng năm 1881 và được dời về Calcutta năm 1882. Hiện nay tại đó còn di tích một đài kỷ-niệm tráng lệ để ghi nhớ công đức không riêng mình đại-đức mà cả bà Foster ở Hạ-Uy-Di (Hawaii) cũng là ân nhân của Hội. Tại Calcutta, đại-đức đã xây dựng tạp chí Ma-ha Bồ-đề (Maha Bodhi). Tạp chí này đã tiếp tục xuất bản suốt 71

(1) Hiện nay Hội này vẫn còn và là một cơ quan Phật-giáo hoạt động mạnh nhất tại Ấn. Trụ sở của Hội đặt tại số 4A đường Chatterjee, Calcutta 12 INDIA, (Ấn-Độ)

(Chú thích của người dịch)

năm qua và hiện nay nó là một trong những nguyệt-san Phật-giáo góp phần đắc lực trong việc truyền bá chánh-pháp.

Năm 1893, nhân dịp triển lãm quốc-tế ở Columbian, một cuộc hội thảo các tôn-giáo thế-giới đã được tổ-chức tại phòng khánh-tiết Columbus ở thành phố Chicago (Mỹ quốc) và đây là một biến cố trọng đại nhất vào cuối thế kỷ 19. Tại diễn đàn công cộng, cùng với những lãnh tụ các tôn-giáo lớn khác, đại-đức Dharmapala đã diễn thuyết 3 lần trước số đông thính-giả tri-thức về giáo-lý cao-siêu của đức Phật. Mặc dù đại-đức không có tài hùng biện hấp dẫn như Vivekananda, thuyết-trình-viên về Ấn-độ giáo, nhưng bằng một lối nói giảng dị và cứng rắn, những bài thuyết-pháp của Đại-đức đã khiến cho đa số dân chúng Mỹ-quốc bấy giờ chú ý và ham thích. Đại-đức Dharmapala cũng đã sang thăm Anh quốc nhiều lần. Trong chuyến đi đầu tiên vào năm 1893, Đại-đức đã cố gắng mong thành lập tại Luân-đôn một chi nhánh của Hội Ma-ha Bồ-đề, nhưng công việc không

thành. Lần đầu tiên trong lịch sử Ấn-độ, Đại-đức cũng là người đã đứng ra tổ-chức lễ Phật-dẫn vào ngày 26-5-1896 tại Calcutta. Buổi lễ này được đặt dưới quyền chủ-tọa của ông Narendra Nath Sen. Đại-đức cũng đã có cơ duyên may mắn đứng ra tổ chức lễ Phật dẫn đầu tiên tại thành phố Nữu-Ước (Hoa-kỳ) vào năm 1897, nhân chuyến sang thăm Mỹ-quốc lần thứ hai do lời mời của Bác sĩ Paul Carus. Thân sinh của Đại-đức, người đã cúng rất nhiều tài chánh vào việc bành trướng giáo lý đức Phật mất năm 1891. Nghe tin này, bà Foster ở Hạ-Uy-Di, người đã ủng hộ tích cực phoang trào chấn hưng Phật giáo, đã viết thư thỉnh cầu Dharmapala nhận bà làm mẹ nuôi. Bà đã gửi cúng cho Đại-đức một số tiền lớn, mà nếu không có số tiền tài chánh này thì chắc Đại-đức đã khó lòng theo đuổi được chí nguyện hoằng pháp tại Ấn-độ cũng như Tích-lan. Năm 1913, Đại-đức Dharmapala rời Tích-lan đi Honolulu (Hạ-Uy-Di) để cảm ơn Bà Foster đã nhiệt thành giúp đỡ cho Hội Ma-Ha Bồ-đề. Chính nhờ số tiền hộ-cúng của Bà này mà Hội đã

mua 1 tòa lâu tại Calcutta để làm trụ sở. Trước khi Đại đức rời Hạ-Uy-Di, bà Foster đã cúng cho Đại đức một số tiền 60 000 Ru-pi (khoảng 840.000 bạc Việt-Nam), Đại đức đã dùng số bạc này để xây cất một nhà thương danh tiếng tại Colombo (Tích-Lan) và đặt tên là Bệnh-viện Foster Robinson để ghi nhớ công đức vô lượng của bà ta. Bà Foster còn giúp đỡ trong việc xây cất Chùa Siri Dharma-rajika Chaitiya ở Calcutta. Năm 1920, Lord Ronaldshay, toàn quyền Anh tại Ấn-độ cũng có cúng cho chùa 1 Xá-lợi của Phật để thờ. Xá-lợi này tìm thấy ở quận Madras (Ấn-độ) và Phật sự sau cùng mà Đại đức đã hoàn-thành là trùng tu Chùa Mulagandhakuti ở Saranath và an vị thờ tại đó một xá-lợi của Phật do vị Thống-đốc Anh ở Bengal cúng. Và cũng như sự nghiệp đóng góp của vua A-Dục vào thế kỷ thứ 3 trước tây lịch, Đại đức đã xây dựng tháp Sanchi ở Bhopal, Tây bắc Ấn, để thờ Xá-lợi của hai vị đại đệ tử của Phật là Ngài Xá-lợi-phất và Mục-Kiền-Liên.

Từ năm 1917, Devapriya Valisingha trở thành vị đệ tử nòng cốt của Đại-deức Dharma-pala. Từ khi Đại-deức từ trần đến nay, ông đã giữ nhiều trọng trách trong mọi ngành hoạt động của Hội Maha Bồ-đề tại Calcutta, Phải kể thêm một vị đệ tử khác của Đại-deức là Tỷ-kheo Sangaratane, người từng phục vụ đặc lực cho Hội trên và đã nhận chức trụ trì chùa Saranath từ tháng 12 năm 1930. Tháng giêng năm 1933, mặc dù kém sức khỏe, Đại-deức đã thọ đại giới với pháp-danh là Siri Devamitta Dharmapala. Sau khi Đại-deức viên-tịch vào năm 1934, công nghiệp của Ngài đã được tiếp tục bởi đạo-hữu Valisingha, Tỷ-kheo Sangaratane cùng với số đông Phật tử tri thức ở Bengali như Bác sĩ Nag N-Datt. Và gần đây, phong trào dân chúng cải-giáo quy y Phật của cố Bác sĩ Ambedkar, nhà lãnh đạo những giai-cấp hạ tiện tại Ấn-độ với hàng triệu tín-hữu của ông ta cũng nhờ bởi công trình đóng góp vô vị lợi cho nhân loại của cố Đại-deức Dharma-pala trước kia vậy.

(Trích dịch tạp chí Phật-lữ (The Buddhist) số tháng 5-1964, đặc san kỷ niệm Phật đản 2508 phát hành tại Colombo (Tích Lan),

NỖ MỘNG

Mấy phen hồng hạnh mấy phen lan
Mỗi bận xuân qua mỗi bận tàn !
Lệ nén chưa khô chương ký ức,
Thềm mai nở mộng trắng lan-can.

THẬP TÂM-TU

Áo mùng khôn giữa ngọn bắc-phong,
Song mây tạm khép cánh thơ-phòng.
Ngoài trời đêm rụng bao sương lá ? !
Nếu thập tâm tu một điểm hồng.

CHUÔNG KHUYA

Từng giọt châu rơi mắt mẹ hiền
Mừng con lưu-lạc trở đoàn viên
Neo thụ bến tạnh thuyền sương sóng
In bóng chùa xa trắng nửa hiên.

QUÁCH-TẤN

Đại Đức **Sangharakshita**

TẠI HY-MÃ LẬP-SƠN

THÍCH THIÊN-CHÂU

6. — Xin Đại-đức cho biết Đại-đức đã giúp gì cho Phật-tử Việt-Nam trong thời gian tranh đấu cho Chánh pháp vừa qua.

— Tôi biết Phật-giáo Việt-Nam qua các bản báo cáo trong các kỳ hội nghị Phật-giáo Thế-giới. Gần đây, qua những câu chuyện với Đại-đức, tôi lại biết rõ hơn, nhất là tình trạng khổ đau của Phật-tử Việt-Nam. Chắc Đại-đức còn nhớ, mùa hè năm kia tôi có nói với Đại-đức rằng: « Không sớm thì muộn, tức nước thế nào rồi bờ cũng vỡ ! ».

Mùa Phật-Đản năm ngoái, sau khi được tin cờ Phật-giáo bị triệt hạ (bởi tư lệnh của Tổng Giám Mục Ngô-Đình-Thục) 8 Phật-tử bị giết và nhiều Phật-tử bị thương (do một sĩ-quan Thiên-chúa bảo giết), tôi vô cùng đau đớn, song cố dợi phản ứng, phản ứng của Phật-tử Việt-Nam, rồi sẽ góp sức. Không gì hợp ý tôi hơn là đường lối đấu tranh trong tinh thần Từ-bi bất bạo động của chư Tăng và ý chí Dũng cảm của Phật-tử Việt-Nam.

Như Đại-đức biết đây là nơi rừng xanh núi tuyết dân cư thưa thớt, cho nên tôi không thể ủng hộ bằng những cuộc biểu tình đông đảo, những cuộc tuyệt thực tập thể v. v... như chư Tăng và Phật-tử ở các đô-thị được. Tuy nhiên, với tất cả thiện chí và tinh thần trách nhiệm, ít nhiều tôi đã góp phần công đức vào cuộc tranh đấu cho chánh-pháp của Phật-tử Việt-Nam. Thú thật, tôi không muốn nói đến những việc mà tôi đã làm cho Phật-giáo Việt-Nam vì rằng chúng không nghĩa lý gì khi so sánh với núi cao công đức của Hòa-Thượng Quảng-Đức và chư Tăng Ni Việt-Nam hoặc với niềm tin bền cả của Phật-tử Mai-Tuyết-An, Quách-thị-Trang v. v... Nhưng Đại-đức đã hỏi thì tôi cũng xin kể đại khái vậy.

Sau khi nhận được tin buồn, tôi liền thiết đại lễ cầu siêu cho các Phật-tử chết vì đạo và cầu an cho các Phật-tử bị

thương. Nhơn trong buổi trai tăng, tôi thông tri tin buồn ấy đến các Tỳ-kheo và Lạt-ma và kêu gọi sự cầu nguyện và ủng hộ. Trong nhiều buổi họp lớn tôi đã trình bày rõ ràng về tình hình đàn áp của Diệm và tinh thần bảo vệ chánh pháp của Phật-tử Việt-Nam.

Nhưng công việc làm có kết quả nhất là viết lách. Không những tôi tự viết mà tôi còn kêu gọi và cung cấp tài liệu cho ông, bà Kazi viết. Tôi làm công việc này với một niềm tin mãnh liệt.

(Nhơn đây, thiết tưởng, tôi cần nói rõ ảnh hưởng và kết quả của công tác này của Đại-dức. Chính trong một bức thư cho tôi Đại-dức có viết: « Cây bút mạnh hơn lưỡi gươm ». Và Đại-dức đã danh trọng từ Maha Bodhi để đăng những bài xã thuyết, những tin tức và hình ảnh cuộc tranh đấu của Phật-tử Việt-Nam. Nhờ những lời kêu gọi tha thiết, những tin tức xác thật và những hình ảnh linh động này mà Ấn-độ cũng như các nước đã kịp thời ủng hộ, mặc dù trong lúc ban đầu rất phân vân, lơ là. Những bài báo của Đại-dức được trích đăng ở nhiều nhật báo và nguyệt-san khác ở khắp nơi. Tác dụng của chúng thật là rộng rãi và mạnh mẽ vì chúng nói rõ sự thật tàn ác điêu xảo của Nhu, Diệm, Xuân và tinh thần vì Đạo của Chư Tăng và Phật-tử Việt-Nam).

Theo tôi, Đại-dức nói tiếp, Phật-tử Việt-Nam không những đã bảo vệ Phật-giáo Việt-Nam mà bảo vệ cho cả nền Phật-giáo Thế-giới. Cuộc tranh đấu cho chánh pháp vừa qua của Phật-tử Việt-Nam là một bài học cao quý cho toàn thể Phật-tử, nhất là Phật-tử Á Châu. Hình ảnh Hòa-thượng Quảng-Đức mãi mãi ngự trị trong tâm khảm của tôi cũng như mọi người. Tôi thành tâm cầu nguyện từ nay về sau Phật-giáo Việt-Nam sẽ không bao giờ phải chịu đựng một sự đàn áp nào nữa.

Đến đây, tôi nhân danh chư Tăng và Phật-tử Việt-Nam chọn thành cảm tạ Đại-dức. Và yêu cầu Đại-dức viếng thăm Phật-giáo Việt-Nam. Đại-dức hoan hỉ nói: « Tôi hằng mong ước được đi thăm tất cả các nước Phật-giáo, nhất là Việt-Nam. Song tôi chỉ có thể đi được sau khi ở Luân-Đôn về. Tôi sẽ ở lại Việt-Nam một thời gian để được tiếp xúc nhiều với chư Tăng và Phật-tử Việt-Nam, những người tôi hằng yêu kính ».

ÔNG TÂY



TRƯỚC CHÙA PHẬT

TRONG buổi họp thân mật do Đoàn Sinh-viên Phật-tử tại Pháp tổ-chức chiều thứ bảy 5-12-64 vừa qua, một anh bạn đã nêu lên câu hỏi sau: « Phải chăng Phật-giáo là nguyên nhân của những vụ lộn xộn bên nhà? »

Câu hỏi chỉ ngắn ngủi có thế, nhưng mọi người đều hiểu rằng anh bạn muốn ám chỉ những cuộc biểu tình đẫm máu vừa xảy ra tại Saigon, trong những ngày cuối tháng 11, mà báo Le Monde bảo là do Phật-giáo mà ra. Cái gì cũng do Phật-giáo! Có lẽ cái nạn lụt kinh khủng tàn phá miền Trung vừa qua cũng là do Phật-giáo hô phong hoán vũ dễ gây ra!

Sự hiểu lầm về Phật-giáo ở ngoại quốc thật ra không có gì lạ. Tây phương từ trước đến nay vốn ngại nhất một chữ: chữ Nationalisme. « Nationalisme » trong các nước nhược tiểu đang ở trong vòng

thuộc địa có nghĩa là vùng dậy để dành lại chủ quyền quốc gia. « Nationalisme » trong các nước nhược tiểu Á-Phi đã dành được độc lập rồi có nghĩa là phục hưng lại tinh thần dân tộc cổ truyền và gạt bỏ mọi ảnh hưởng ngoại lai mang đến từ Tây phương. Nói một cách khác, trong ý nghĩ của Tây phương, « Nationalisme » đồng nghĩa hoàn toàn với « bài ngoại », và « ngoại » ở đây chỉ có thể là Tây-phương, bởi vì chính Tây-phương, trong khi đó họ, đã đó họ bằng chính trị, kinh tế cũng như bằng văn hóa. Ngày nay, người Pháp đã rút lui khỏi Việt-Nam, người Anh đã từ giã Mã-lai, Tích-Lan, Ấn-độ..., nhưng văn hóa của Pháp đang còn đè nặng ở Việt-Nam, và văn hóa Anh cũng không phải suy tàn trên đất các nước Liên-Hiệp-Anh. Vậy thì độc lập về chính trị và kể cả về kinh tế đi nữa, đâu có

phải là một nền độc lập toàn vẹn, nếu nền văn hóa trong nước là một nền văn hóa ngoại lai? Nước Á-châu nào cũng tự hào về nền văn minh cổ của mình. Nước Á-châu nào cũng hãnh diện về lịch sử oai hùng của mình. Sự đố hờ của Tây-phương chỉ làm bùng dậy ý chí quốc gia trong các nước Á-châu nhược tiểu, và ý chí ấy ngày nay lại càng mãnh liệt khi các dân tộc đó đang xây dựng quốc gia.

Cố nhiên hiện tại không một nước Tây-phương nào còn có cái ý tưởng điên rồ xâm chiếm lại thuộc địa, nhưng một sự giao hảo và giao thương mật thiết giữa mẫu-quốc cũ cũng vẫn có lợi cho Tây-phương. Mà sự giao hảo đó làm sao mật thiết được nếu dân chúng trong các nước nhược tiểu vẫn chưa xóa được kỷ-niệm đau xót của những năm lệ thuộc? Huống hồ Tây-phương ngày nay đang gặp một tay cạnh tranh ghê gớm: Trung-Cộng. Sự thành công của Chu-an-Lai trong chuyến viếng thăm Phi-châu năm ngoái là một sự kiện đầy ý nghĩa.

Tây-phương e ngại là phải.

Khởi Á - phi đã thừa tỉnh và đang đi tìm vai trò của mình. Chủ nghĩa dân tộc Phi-châu (le nationalisme africain) là một vấn đề đang được nhiều học giả chú ý. Tunisie vừa quốc hữu hóa các nhà thờ của Thiên-chúa-giáo. Các hiến pháp Phi-châu long trọng ghi Hồi-giáo là tôn-giáo của quốc-gia Phật-giáo là quốc-giáo ở Tích-lan. Bánh xe Chánh-pháp và sư tử 3 đầu của vua Asoka nằm trên quốc-kỳ của Ấn-độ... Ở đâu ta cũng thấy một hiện tượng khôi phục lại những giá - trị truyền thống của dân tộc đã bị thứ văn-hóa hào nhoáng của Tây-phương che mờ đi trong thế kỷ vừa qua.

Từ ngày Phật-giáo ở Việt-Nam vùng dậy và được thắp sáng lên bằng ngọn đuốc Thích - Quảng - Đức, Tây-phương bỗng nhìn về Việt-Nam với một cặp mắt kính ngạc và thán phục. Rồi ngọn đuốc đó được tiếp nối bằng 7 ngọn đuốc nữa, và lần này thì cả một dân tộc vùng dậy. Cả một dân tộc vùng dậy! Thi ra lực lượng Phật-giáo là một lực lượng đáng kính, vì đó chính là lực lượng của quần chúng, lực lượng dân tộc! Không có lực lượng đó,

không thể xây dựng được nước Việt-Nam. Và chỉ có lực lượng đó mới có thể tranh quần-chúng với Cộng-sản. Sức mạnh của Phật-giáo không còn là vấn đề phải bàn cãi nữa đối với các báo chí Tây-phương. Nhưng báo chí cũng như các nhà học giả tây-phương lại còn nghĩ xa hơn thế nữa. Họ nghĩ rằng mục-đích của phong trào Phật-giáo không phải chỉ là lật-đổ Chính-phủ ông Diệm hay là chính-phủ ông Khánh. Đó chỉ mới là bước đầu. Mục-đích chính mà Phật-giáo nhằm là phục hồi lại truyền thống dân tộc, xây dựng lại chủ nghĩa quốc-gia — cái nationalisme mà người Tây-phương vốn không thích lắm.

Có thể họ không lầm. Nhưng cũng có thể họ lầm, nếu họ nghĩ rằng thứ chủ nghĩa quốc-gia mà Phật-giáo nhằm đến là một thứ quốc-gia hẹp hòi, quá khích, từ chối mọi sự hợp tác và ảnh hưởng quốc-tế. Phật-giáo không phải là tôn-giáo của những kẻ quá khích. Tinh-thần của Phật-giáo là bao dung, độ lượng. E ngại Phật-giáo muốn xây dựng một thứ chủ-nghĩa quốc-gia hẹp hòi cũng như e ngại con voi sẽ

bỏ ăn lá cây để đi ăn thịt.

Ấy thế mà báo chí Tây-phương vẫn lo ngại. Từ lo ngại đi đến chỗ thiếu thiện-cảm, con đường cũng chỉ xa như từ métro St. Michel đến métro Odéon. Chẳng ai lấy làm lạ khi báo Pháp cũng như báo Mỹ chỉ thông tin theo một chiều và bình-luận không có lợi cho Phật-giáo. Bởi vì chẳng có ai quên rằng trong suốt 80 năm đó họ, người Pháp ở Đông-Dương chẳng bao giờ muốn cho Phật-giáo phục hưng, và người Mỹ thì lúc nào cũng suy luận một cách ngây thơ rằng Phật-giáo không muốn chống cộng — tệ hơn nữa — Phật-giáo là Cộng-sản!

Vâng, báo-chí Tây-phương có quyền thông tin và bình luận theo quan-niệm và tình cảm của họ, chuyện đó chẳng sao cả. Nhưng nếu đọc báo Tây mà nghe báo Tây thì quá là đáng buồn cho người Việt-Nam. Tây-phương không thích chuyện « nationalisme », đó cũng là quyền của họ, chẳng sao cả. Nhưng hình như người Việt-Nam chúng mình cũng có quyền không đồng ý với họ.

Tin-tưởng số 13/14-12-1964

C. L.

VƯỜN TẠO ĐẠO LÝ

NGUYỄN-HẠNH phụ trách

Tôi yêu những vần thơ sau đây của Mãn-Giác thiền-sư. Thiền-sư tên thật là Nguyễn-Trường, sinh năm 1052 mất năm 1097, vốn là một người tinh thông Phật-học, Nho-học lẫn Lão-Trang. Người xuất-gia dưới thời vua Lý-Nhân-Tông (1072-1127), khoảng trong năm Anh-Vũ Chiêu-Thắng (1076-1084), và được vua Nhân-Tông triều Lý cùng bà Cầm-Linh-Nhân Hoàng-thái-hậu dựng một ngôi chùa cạnh cung Cảnh-Hưng để mời thiền-sư về tu hành ở đó, cho tiện bề hỏi han về thiền-học. Sau đó, người được phong làm Nhập-nội đạo-trưởng, và tịch năm Hội-phong thứ 5 tức năm 1097 dương-lịch. Bài kệ sau đây được thiền-sư sáng tác ngày 17-12-1096, trong dịp thiền-sư ngoại bệnh :

Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhơn tiền khứ,
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc ví xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

(Cáo tật thị chúng)

Tạm dịch :

Xuân đi, trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa nở
Sự việc qua đi trước mắt
Tuổi già lại tới ở trên đầu !
Chớ tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước một cành mai.

(Có bệnh báo với mọi người)

Chúng ta thấy gì qua mấy vần thơ gạn lọc này ?

Cái hình ảnh xuân đến xuân đi, thời gian vận chuyển vốn là cái hình ảnh chúng ta thường bắt gặp trong lẽ

Dịch, trong cái triết-lý doanh hư tiêu trường của Nho-giáo. Tuy nhiên, ở đây, cái hình ảnh «trăm hoa rụng», «trăm hoa nở» còn cho ta thấy cái ý-niệm vô-thường của đạo Phật. Hoa nở rồi hoa tàn, sự đời trôi chảy, hoa dù có tươi thắm bao nhiêu trong buổi đầu mùa, cũng không thể không tránh khỏi được cảnh tàn-tạ trong lúc mùa xuân hết. Tác-giả cho ta thấy cái hình-ảnh siêu-thoát của một bậc chân-tu, đã vượt lên trên, đã thoát ra khỏi cái hệ-lụy đổi thay, vô thường của cõi đời này. Đứng lên bên trên dòng vô thường luân lưu của tuồng huyền hóa thế-gian này, nhà thơ kiêm tu-sĩ đã nhìn thấy cái bản chất của hoa: Hoa không phải chỉ do màu sắc kết tụ, hương vị kết thành, hoặc do nhiều cánh hoa rục-rỡ ghép lại, mà hoa, tự chúng, hoa vẫn không là gì cả. Hoa chỉ là một ý niệm. Cánh hoa không phải là hoa, nhụy hoa không phải là hoa, hương sắc không phải là hoa, mà hoa chỉ là một hiện-tượng hoa, vì đối chiếu với lục-căn mà có; Thế cho nên, «hoa» ở đây còn có tính cách tượng-trung. Tự nó, hoa không là gì hết, nhưng bởi vô minh, bởi ý-thức, con người trong vòng luân hồi này mới thấy có đổi thay, có nở khi mùa xuân đến, có tàn khi mùa xuân đi.

Nhà tu-sĩ kiêm thi-nhân đó đã biết nhận thức được sự vô thường và sự thường trú, nhận thức được đâu là hiện-tượng bày ra tuồng huyền hóa và đâu là chân-tâm vắng-vực tịnh tịch. Thế cho nên, dù chuyện đời có trôi qua trước mắt từng khắc từng giây, từng «sát-na» biến-dịch, làm cho thế-giới hiện-tượng này chuyển đi không lường trước được, bày ra cái cảnh:

Lão tông đầu thượng lai

Nếu chỉ là một thi nhân lãng mạn như Lý-Bạch, thi tiên đời Đường chẳng hạn, Lý-Bạch sẽ không ngần ngại gì mà không nhắc đến cái cảnh thời-gian vụt, đi, đi qua mau, như ngọn nước sông Hoàng-hà từ trên trời đổ xuống chảy đi ra biển chẳng bao giờ trở về... mà tóc ai buổi sớm mới như tơ xanh chiều đã hóa ra bạc màu sương-tuyết:

Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng
lai bốn lưu đáo hải bất phục hồi

**Huyền bất kiến cao đường minh kính bi bạch
phát triêu như thanh ty mộ như tuyết**

(Tương tiễn tửu)

Lý-Bạch vốn nổi tiếng là một thi-nhân phóng-khoảng đời Đường, nhưng ở hai câu thơ mở đầu cho bài « Tương tiễn tửu » nổi danh trên đây, chúng tôi nhận thấy sự hết hoàng của một con người, trước dòng biển trôi cuồn cuộn của thời-gian và của không-gian có hạn định của kiếp người. Hết hoàng, bởi vì Lý-Bạch không thể vượt lên trên, đứng bên trên dòng thời gian vốn vô thường này. Điềm lành hơn, đạt đạo hơn, chúng ta thấy thiền sư Mãn-Giác đã vượt được cái hệ-lụy của dòng thời gian đổi thay đó. Trong lúc sắp tịch, thiền sư đã từng suy gẫm về lẽ mất lẽ còn, cái sống cái chết. Cái chi sẽ nở? Cái chi sẽ tàn? Trăm hoa đã nở. Trăm hoa sẽ tàn. Nhưng giữa cái mùa xuân hiện-tượng có muốn hoa hiện-tượng phải úa phải tàn đó, sẽ có « một cành mai, trước sân, trong đêm vừa qua » (Định tiền tác dạ nhất chi mai) là không nở mà cũng không tàn. Nhất chi mai, một cành mai, cành mai này ở giữa cái nở và cái tàn, ở giữa sự vĩnh-viễn và sự hữu diết. Cành mai này chính là tượng-trưng cho người tu-hành đắc đạo, thoát ly được mọi vọng-niệm, để có thể vượt ra ngoài sự vô thường của thế-giới hiện tượng này. Cành mai đó, phải chăng Mãn-Giác thiền-sư muốn nói đến cái chân-tâm thường trú và vĩnh cửu của Con Người Đạt Đạo?

NGUYỄN HẠNH

ĐỌC VÀ CỔ-ĐỘNG :

**Liên - Hoa Nguyệt - San Số 1
RÂM THĂNG GIỀNG ẤT - TỶ (1965)**

- ★ Bài vở đặc sắc
- ★ Tin tức đời dào
- ★ Trình bày mỹ thuật

★ BÀI NÓI CHUYỆN

*của đoàn Sinh-viên Phật-Tử Huế tại chùa Diệu-Đe
trong cuộc meeting chiều ngày 30 tháng 12 năm 1964*

Kính thưa các Đạo Hữu,

Kẻ ác thường sợ điều nhân nghĩa,

Quân trộm cướp không ưa điều lương thiện

Người vu khống xảo ngôn thì không thích lời nói thực

Lũ bán nước cầu vinh thì không eon nghĩ đến tổ quốc dân tộc,
không muốn nhắc đến tổ tiên nòi giống.

Độc địa tham tàn thì không bao giờ dám nghe lời nhân từ,
phải trái...

Người quân tử dùng tâm trí, kẻ tiểu nhân mặt vạ dùng vũ lực
điều ngoa...

Thối thường là như thế cho nên :

Phật tử bị hiếp đáp, bức bách

Tăng Ni bị vu khống, mạ lỵ

Phật-giáo bị bôi nhọ, phỉ báng

Viện Hóa Đạo bị đốt phá, xâm phạm...

Tất cả cũng chỉ vì những mâu thuẫn trên, tất cả cũng chỉ vì
tội ác sợ ngay lành, như bóng đêm sợ đèn sáng lũ chuột chù sợ
ánh nắng mặt trời. Người ta không khước từ một âm mưu, thủ đoạn
nào dù là phi nhân, hèn hạ :

— Đại đức Thích Đồng Quý đang đi trên xích lô máy bị lôi xuống
đường đánh gãy ngư.

— Thượng tọa Thích-Tĩnh-Nghiêm đang ngồi tụng kinh thì bị
bắn — và trầm trọng, trắng trợn nhất là vụ âm mưu xâm phạm Việt-
Nam Quốc tự và Viện Hóa Đạo trong mấy ngày liên tiếp.

Khoảng 9 giờ tối đêm giáng sinh 25/12. * một toán thanh niên không biết từ đâu đến đi trên mấy chiếc cam nhông rồi xông vào Viện Hóa Đạo và V.N.Q.T. với vô khí bèn nhọn trong tay. Giữa lúc một số tín đồ đang đi lễ thì số thanh niên nói trên đột nhập vào la ó vang dậy và dơ vô khí lên đánh đập nhiều người. Kết quả là một vị Tăng và hai Phật-tử bị thương. Bốn người này không chỉ xông vào đánh đập Tăng Ni, Phật-tử mà còn nhằm thiêu hủy V.N.Q.T. Chúng đem theo bụi nhùi tầm xăng nhằm đốt phòng kinh sách, phòng ăn uống, kho thực phẩm, phòng cư trú của các Tăng Ni... (Q.T số 248, TS số 262, SDN số 331). Nhờ sự bảo vệ của các Phật-tử và nhất là của các Thanh niên Phật-tử mà âm mưu gây rối này bị chặn đứng. Một người trong nhóm phá hoại bị bắt với đầy đủ căn cước, lý lịch. Một số bụi nhùi chai xăng và những thanh sắt bén nhọn mà bọn phá hoại nhặt đi không kịp trước khi rút lui... đó là tất cả những bằng chứng về chuyện này.

Nhưng vẫn chưa hết. Ngày 26-12, Thượng-tọa Thiện-Minh và một số các Đại-Đức, Thượng-tọa khác họp tại Viện Hóa Đạo để trình bày với dư luận trong nước, ngoài nước âm mưu đốt phá VHĐ, VNQT và hành hung các Tăng Ni Phật-tử ngay trong những nơi thờ tự, thì đã có một bọn người lạ mặt lại toan tổ chức gây rối để cướp người phá hoại đã bị bắt hôm trước. Âm mưu không thành, tối hôm đó chúng lại cắt điện khu vực VHĐ rồi ò ạt tấn công vào lúc 1 giờ khuya. Phật-tử báo động và chúng phải rút lui sau khi đã đốt xé các biểu ngữ căn trước VHĐ (báo QT số 248).

Sự việc đó xảy ra tại Trung tâm Saigon, giữa trăm ngàn tai mắt quốc tế, trước ba mặt bầy mây không ai có thể chối cãi hoặc cho là đặt điều phao vu. Nhưng lạ một điều là chính phủ không hề lên tiếng cứ vẫn im lặng coi như là không biết chi đến.

Trước sự kiện đó mọi người không thể tự hỏi:

— Ai đã làm chuyện đó ?

— Tại sao lại đốt phá chùa chiềng đánh đập Tăng Ni Phật-tử ?

— Làm như vậy để làm gì ?

— Nghe ai mà làm như vậy ?

Theo lời khai của một người trong bọn bị bắt thì đánh đập và đốt phá xong VHĐ, VNQT mỗi người sẽ lãnh 4000\$, ngoài ra còn được đãi ăn một bữa tiệp. Tờ chức này gồm trên 200 người

với đầy đủ khí giới bén nhọn và dụng cụ để đốt phá. (Báo QT số 248).

Ai đứng ra tổ chức, ai chịu tiền ?

Khoảng cuối tháng 11/64, ai tổ chức biểu tình chống chính phủ không biết, thủ-tướng Trần-văn-Hương lại đồ riết cho Phật-giáo, và ra lệnh đàn áp khốc liệt, theo ý Ông làm như thế là «đề báo vệ nơi tôn nghiêm khat bị hoen ố bởi bọn Cộng sản vì theo lời hiệu triệu của ông, chỉ có Cộng sản mới làm như thế mà thôi.»

Thiện chí và hành động bảo vệ nơi tôn nghiêm thờ tự của chính phủ Trần-văn-Hương như thế nào mọi người đã biết. Báo chí bị bóp nghẹt, trường học bị đóng cửa, giới nghiêm được thi hành, VHĐ bị canh gác, các chùa chiền bị dòm ngó, rình mồi, ai vô ra VHĐ bị chụp ảnh, theo dõi. VHĐ bị canh gác kỹ còn hơn dinh Quốc Trường, hoặc dinh Thủ-Tướng, các Tăng Ni, Phật-tử bị theo dõi còn hơn người ta theo dõi bọn cộng sản phá hoại. Ấy thế mà các Tăng Ni vẫn bị hành hung, VHĐ vẫn bị náo loạn, đốt phá, đánh đập trước bao nhiêu con mắt của cảnh-sát, công-an, mật-vụ, và ngay trong giờ giới nghiêm nữa.

Người ta đang chờ đợi lời tuyên bố chính thức của chính phủ Trần-văn-Hương là chính Việt cộng đã đốt phá Viện-Hóa-Đạo đánh đập các Tăng Ni, Phật-tử trong khi đến chùa nghe giảng, làm lễ cũng như Việt-cộng đã giết chết mười mấy Phật-tử ở đài phát thanh Huế dưới thời Ngô-Đình-Diệm.

Nhưng ta nói như thế thì nghe sao được. Mặc dù nhiều lần Phật-giáo đã tuyên bố chống Cộng-sản, chính phủ và các báo chí được chính phủ o bế, mua chuộc đã tố cáo Phật-giáo là Cộng sản, là thân Cộng, là Trung lập, là bài ngoại... như vậy tức là trực tiếp cũng như gián tiếp chính phủ nhận rằng những kẻ hành hung Tăng Ni, Phật-tử, đốt phá VHĐ và VNQT, xâm phạm và làm hoen ố nơi thờ tự, trang nghiêm nhục mạ các nhà tu hành không phải là Cộng sản, mà là những người Quốc-gia; không phải những kẻ Trung lập mà những kẻ rêu rao chống Cộng bằng mồm, không phải những kẻ bài ngoại, chống đối sự can thiệp hống hách, tự thị của ngoại nhân mà là những kẻ luôn luôn làm tay sai cho ngoại nhân, bán rẻ dân tộc, bán rẻ Ông Bà Tô Tiên để mưu cầu danh lợi, vinh quang...

Một điều làm cho mọi người ngạc nhiên hơn nữa là không những chính phủ nín thính trước chuyện đốt phá VHĐ, đánh đập Tăng Ni Phật-tử, xâm phạm nơi thờ tự trang nghiêm mà chính phủ còn không muốn ai nói đến chuyện ấy, ngay cả nạn nhân. Trong khi những báo chí, vu khống mạ lỵ Phật-giáo được chính phủ cho ra, khuyến khích nâng đỡ thì những bài báo tường thuật vụ đánh phá VHĐ và VNQT lại được chính phủ kiểm duyệt một cách gắt gao, cần thận và kỹ lưỡng ngay cả những lời của Lãnh-tự Phật-giáo, chính phủ cũng không từ nan. Ví dụ những lời tuyên bố của Thượng-tọa Thiện-Minh trong cuộc họp báo ngày 26-12 tại VHĐ, Thượng-tọa nói 10 câu thì Bộ thông tin bỏ đi hết 7, 8 câu các báo chí cũng không được đăng lại lời tự thú của người vào đập phá VHĐ đã bị bắt.

Chịu oan ức mà không được nói, chịu đau khổ mà không được than van, chịu đàn áp mà không được kêu nài, chịu bắt công mà không được tranh đấu. Nói lên là Cộng sản, than van là Trung-lập, kêu nài là sách động quần chúng, tranh đấu là phá rối an ninh trật tự. Miền Nam độc lập, tự do, hạnh phúc dân chủ là rứa đó. Miền Nam sau thời kỳ thực dân Pháp về nước, sau thời kỳ tranh đấu của Phật-giáo chống chính quyền Ngô-Đình-Diệm, miền Nam của chí-sĩ Phan-khắc-Sửu miền Nam của nhà Cách mạng trong sạch Trần-văn-Hương là rứa đó.

Thì ra quốc gia này chỉ còn một thứ độc lập, độc lập bằng cách nhận lệnh ngoại nhân nếu không thì bị cúp viện trợ, độc lập đến nỗi Quốc-trưởng và Thủ-tướng trước khi ra thông cáo cho quốc dân đồng bào thì phải đưa trước cho một đại-sứ ngoại quốc dọc (đài Úc Đại-Lợi, tối 29-12-64).

Chỉ còn một thứ tự do, tự do nghe chính phủ tuyên truyền, tán hươu tán vượn, bóp méo vo tròn; tự do bị hành hung, mạ lỵ, vu khống, tự do chấp nhận Nam Kỳ Quốc...

Chỉ còn một thứ dân chủ, dân chủ của những kẻ nô lệ dân chủ của thiểu số cai trị đa số, của đa số phải câm nín trước những dã tâm, tham vọng, những hành động bất nhân phi nghĩa của thiểu số.

Chỉ còn một thứ hạnh phúc, hạnh phúc ăn không yên nằm không xuống vì tội cực, hạnh phúc của những kẻ bị trả thù, hăm dọa, theo dõi, điều tra, hạnh phúc của những người bị phản bội phải ngậm bồ hòn làm vui ngồi nhìn những kẻ ăn-hót-cơm-chim, cướp công Cách-Mạng.

Chúng ta còn đợi chi nữa mà không hoan hô những người đang

lãnh đạo Quốc gia, còn đợi chi nữa mà các Học sinh Sinh viên không trở về trường học, các công chức không trở về nhiệm sở, các Quân nhân không yên lòng đánh giặc, các chi tiêu thương không trở lại quán hàng các thương gia không lo buôn bán, các bác lao động không lo nghề nghiệp, các nhà tu hành không trở về chùa, liêu thanh tịnh dù cho tất cả chúng ta đã một trong trăm năm một mõi é chề nhục nhã, vì thực dân và tập đoàn bán nước cầu vinh, mười năm trời điều đứng dưới chế độ độc tôn, Cộng Hòa Nhân Vj luôn luôn « tôn trọng giá trị con người » ?

Nhưng không ! Chúng ta chưa hoan hô được chúng ta chưa suy tôn được, chúng ta chưa trở về đời sống bình thường được vì tất cả những gì đang được gọi là tự do, hạnh phúc, độc lập, công bằng, bác ái, cách mạng đều chỉ là điều ngoa giả trá, lừa bịp. Chúng ta đang phải đối phó với những điều ngoa giả trá đó, chúng ta đang là nạn nhân của những lừa bịp trắng trợn đó.

Thoát khỏi sự *đọa đày* của thực dân và bè lũ vong bản suốt một trăm năm thì chúng ta lại rơi vào cảnh *đầy đọa* của tập đoàn Ngô-đình-Diệm, thoát khỏi vòng *đầy đọa trực tiếp* của tập đoàn Ngô đình-Diệm thì chúng ta lại rơi vào cảnh *đọa đày* của tập đoàn thơ lại ác ôn hôm nay.

Chúng ta chưa an nghỉ được vì sự sống còn của dân tộc đã hơn 20 năm đau khổ vì chiến tranh, chúng ta chưa an nghỉ được vì sự tồn vong và hưng thịnh của đạo pháp, chúng ta chưa an nghỉ được vì sự tồn vong và hưng thịnh của đạo pháp đang bị hãm dọa. Chúng ta còn phải hy sinh vì danh dự của tổ tiên chúng ta, vì tự do và an ninh của chúng ta, của các đồng bào, đồng hữu chúng ta, vì tương lai hạnh phúc của anh em, con cái, cháu chắt của chúng ta.

Việc làm của chúng ta là việc làm của Dân Tộc, ước vọng của chúng ta là ước vọng của dân tộc, chúng ta đã và sẽ lấy tự lập, hạnh phúc làm cứu cánh. Chúng ta không chủ trương bóp chết tư tưởng, tư tưởng của một ai như những chủ trương độc tôn, độc đoán khác, chúng ta cũng không chủ trương bế môn, tỏa cảng để đuổi hết ngoại nhân ra khỏi xứ sở này. Nhưng bất cứ ai muốn đưa chúng ta vào vòng điều đứng lệ thuộc, tất cả những ai muốn dùng tài vật để đòi chúng ta bán rẻ dân tộc, bán rẻ linh hồn, bán rẻ danh dự cho họ thì nhất định chúng ta sẽ chống, chống tới cùng. Đó không phải một cuồng vọng sảo si đó cũng không phải là một sự kiêu căng quá lớn,

mà đó là một điều kiện hạnh phúc, hạnh phúc của chúng ta cũng như của tất cả của những người, vì có này hoặc có khác đang muốn xem chúng ta như những kẻ thù.

Kính thưa các Đạo hữu ;

Nhân những đau khổ mà Phật-tử đã chịu, những đàn áp vu khống mà lý mà Phật-giáo là nạn nhân từ khi chính-phủ Trần-văn-Hương lên cầm quyền, nhân vụ xâm phạm chùa chiền, đốt phá nơi thờ tự đánh đập Tăng Ni, Phật-tử... Sinh viên Phật-tử chúng tôi đã trình bày một vài cảm nghĩ sơ lược của chúng tôi về cuộc vận động mà tất cả chúng đang tham dự.

Sự bất quá tam, anh chị em sinh viên Phật-tử chúng tôi vẫn tin tưởng rằng đến lúc này mà chúng ta chưa quyết liệt bày tỏ ý chí và nguyện vọng của chúng ta thì một Ngô-dình-Diệm không, nhưng sẽ có một chục Ngô-dình-Diệm khác, một Trần-văn-Hương bị phản đối nhưng sẽ còn một trăm Trần-văn-Hương khác.

Với ý chí quyết thắng đó; với chủ trương từ bi bất bạo động với tinh thần trật tự kỷ luật, chúng tôi tin tưởng rằng Phật-giáo sẽ đạt được những nguyện vọng khiêm tốn, nhỏ nhoi, tối thiểu của mình. Chúng ta chỉ muốn chấm dứt những bất công những tội ác, những phi lý, chớ chúng ta không muốn báo oán, trả hờn một ai. Vì tội ác, thủ đoạn tự nó đã là một hình phạt đối với những người dùng thủ đoạn gây nên tội ác rồi. Ví như lời Phật dạy trong kinh Tứ Thập Nhị Chương «Đưa ác muốn hại kẻ lành như ngựa miệng lên trời mà khạc nhổ, khạc chẳng đến mà rơi lại nơi mình. Lại như những kẻ đứng đầu gió lấy chân mà quấy bụi, bụi chẳng đến người mà đã dơ thân mình rồi vậy». Nam-Mô A-Di Đà-Phật.

HOÀNG-VĂN-GIÀU

*Đoàn Trưởng Đoàn Sinh-Viên
Phật-Tử Huế*

Phật-Tử nên dùng và cử-dộng :

Hương Giải-Thoát

Vị-trai lá Bô-Đê

DO PHẬT-HỌC-VIỆN SẢN-XUẤT

TIN TRONG NƯỚC

Cung-nghênh Xá-Lợi Hòa-Thượng Huệ-Quang từ Ấn-Độ về Việt-Nam

Sáng 26-12-1964, Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam tham dự Đại-hội Phật-giáo Thế-giới tại Sarvath đã cung nghinh Xá-lợi Ngài Hòa-Thượng Huệ-Quang từ Ấn-độ về nước. Thượng-tọa Viện-trưởng cùng chư Thượng-tọa Đại-dức Tăng Ni thuộc Viện-Hóa-Đạo cùng hàng ngàn Phật-tử đã túc trực tại Việt-Nam Quốc-tự để nghênh tiếp Xá-lợi.

Hòa-thượng Huệ-Quang, nguyên là Pháp-chủ Giáo-hội Tăng-già Nam-Việt kiêm Phó Hội-chủ Tổng-Hội Phật-giáo Việt-Nam đã viên-tịch tại Ấn-độ cách đây 3 năm trong lúc Ngài sang dự Đại-hội Phật-giáo thế-giới cùng với Hòa-thượng Thích Tịnh-Khiết đương kim Tăng-Thống. Xá-lợi của Hòa-thượng tôn-trì một tuần tại Việt-Nam Quốc-tự để đồng bào Phật-tử chiêm bái.

Cuộc Triển-lãm đồ cò Đông-phương lấy tiền giúp xây Việt-Nam Quốc-Tự

Cuộc triển-lãm đồ cò Đông-phương do ông Hoàng-văn-Lộ tổ-chức đã khai-mạc chiều 17-12-64 tại phòng Thông-tin Đô-thành. Dùng 10 phần trăm số tiền bán các vật phẩm trưng bày sẽ cúng vào công cuộc xây dựng Việt-Nam Quốc-tự.

Tất cả có lối 700 món đồ cò Trưng-hoa từ các đời Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh và các đồ cò Việt-Nam qua các triều

Giả-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức được trưng bày trong phòng triển-lãm này, trị-giá tổng cộng gần 5 triệu đồng. Đặc biệt, người ta thấy có một bộ tứ bình bằng gỗ càn càm-thạch trị-giá 750.000\$00, một pho tượng Quán-thế-Âm Bồ-tát bằng ngọc giá 58.000\$00, một đôi lọ cò từ đời Khang-Hy giá 170.000\$00 và một chiếc trống đồng từ đời nhà Tống giá 65.000\$00.

Cuộc triển-lãm này mở cửa cho công chúng vào xem từ 17-12 đến 31-12-1964.

Việc đốt phá Việt-Nam Quốc-tự

Lúc 8 giờ 30 đêm 25/12/64, trong lúc đồng bào và Phật-tử đang hành lễ và nghe thuyết pháp tại Việt-Nam Quốc-tự thì một toán thanh niên lạ mặt vào khoảng 100 tên đã xông xáo dùng thanh sắt đánh đập lung tung và dùng bùi nhùi nồi lửa toan đốt Quốc-tự. Đồng bào và Phật-tử đã phản ứng lại một mặt dập tắt ngọn lửa, một mặt đuổi bắt những tên hành hung. Kết quả một vị Tăng và 2 Phật-tử bị thương, nhà phát hành kinh sách và một vài phòng bị cháy nhưng không thiệt hại gì quan trọng. Một tên hành hung bị bắt. Y là một Hoa-kiều và theo lời khai của y thì một tổ chức trong đó có một vài nhà viên chính quyền mà y không biết tên đã thuê y đến phá Viện Hóa-Đạo. Tổ chức đó đã cấp cho y một thẻ căn cước học sinh giả và hứa khi thi hành xong công tác phá hoại ấy, y sẽ được thưởng tiền và miễn đi quân dịch vì y

đã đến tuổi thi hành quân dịch. Hoa-kiều này tên là Bàng-chí-Kiên làm nghề uốn tóc.

Qua đêm 26/12/64, lúc nửa khuya có 2 chiếc xe chở đầy người lạ mặt từ từ chạy qua Viện Hóa-Đạo có ý xông vào, trong khi điện toàn vùng đường Trần-quốc-Toản bị cúp, Anh em Phật-tử canh gác Viện Hóa-Đạo liền báo động, 2 chiếc xe đó bỏ chạy.

Phản ứng của đồng bào Phật tử Toàn quốc

Khi tiếp nhận hung tin Viện Hóa-Đạo bị đốt phá, Tăng Ni và Phật-tử Thủ đô bị hành hung, toàn thể các cấp Giáo-hội, các Đoàn thể Phật-tử và đồng bào đều xôn xao và đánh điện về Viện Hóa-Đạo thăm hỏi tin tức, tổ chức các khóa lễ cầu an, các cuộc meeting lên án bọn phá hoại.

Riêng ở Huế, Ban Đại-diện Giáo-hội đã mời Thượng-tọa Thích Mật-Nguyên vào ngay Saigon để thỉnh an Đức Tăng-Thống, chư Thượng-tọa và tìm hiểu rõ ràng sự việc. Ngày 30/12/64, Thượng-tọa trở về Huế và trong cuộc meeting tổ chức tại chùa Diệu-đế ngay chiều hôm đó, Thượng-tọa đã nói cho trên mấy vạn đồng bào Phật-tử tập hợp đông đảo trong khuôn viên chùa, ngoài các đường chung quanh chùa tưởng tận việc bọn thanh niên lạ mặt đến đốt phá và hành hung Viện Hóa-Đạo. Bọn này dùng thanh sắt và bùi nhùi đâm đầu xăng đánh đập lung tung và nổi lửa quăng vào các phòng tại Viện, nhưng may nhờ Phật-tử và đồng bào bình tĩnh đối phó nên chúng không gây được thiệt hại gì nên phải rút lui. Một tên đã bị bắt, y khai

tự sự và do lời khai của y thì chính Chính-phủ Trần-văn-Hương đã đứng tay vào vụ này.

Tiếp đó, ban tổ chức cho chạy lại cuốn băng nhựa ghi âm lời khai của Hoa-Kiều Bàng-chí-Kiên và đọc bản dịch những lời khai của ý.

Sau khi Thượng-tọa Thích Mật-Nguyên dứt lời, anh Hoàng-văn-Giàu Đoàn-trưởng đoàn Sinh-viên Phật-tử lên thay mặt Thanh-niên, Sinh-viên và Học-Sinh Phật-tử tổ bày ý kiến.

Khi anh vừa dứt lời, thì hàng trăm biểu ngữ được dâng lên, hàng vạn tiếng hò reo đã đảo những kẻ chủ mưu tiêu diệt Phật-Giáo, phá hoại đại-đoàn-kết dân tộc.

Thượng-tọa Thích Đôn-Hậu, Chánh Đại-diện Giáo-hội tại Thừa-thiên kêu gọi toàn thể đồng-bào và Phật-tử hãy bình tĩnh, sáng suốt, tuân hành chỉ thị Giáo-Hội, tranh đấu trong tinh-thần bất-bạo-động. Và trước khi giải-tán hàng vạn lời thề vang dội đờng thanh: « Cương quyết bảo vệ Chánh Pháp đến hơi thở cuối cùng dù phải hy-sinh thân mạng ».

Cuộc Đình công, Bãi-thị, Bãi-khóa toàn diện đề Phản-đối Chính-phủ Trần-văn-Hương

Ngày 31/12/1964, ngày cuối một năm đau thương, uất hận của đồng-bào và Phật-tử qua mấy chính-phủ phản Cách-mạng, phản Dân-tộc. Để đánh dấu ngày u buồn đó và đồng thời đề cảnh cáo và phản đối chính-sách độc-tài, vu khống, kỳ-thị của chính-phủ Trần-văn-Hương, toàn thể nhân dân thành phố Huế và tỉnh Thừa-thiên đã đình công, bãi-thị và học-sinh bãi-khóa. Tất cả bất động và vắng lặng. Trên các ngã đường, người ta thấy các

biểu ngữ « Còn chính - phủ Trần - văn - Hương, còn tranh đấu »; trước các công chùa, các Niệm Phật - Đường, người ta thấy các biểu ngữ « Chúng tôi cực lực phản đối bọn chủ mưu đốt phá Viện Hóa - Đạo, đánh đập Tăng Ni và Phật - tử » — « Ai đốt phá Quốc - tự và hành hung Tăng Ni, Phật - tử v.v... » Các Tỉnh Đà - Nẵng, Quảng - Trị v.v... cũng bãi thị đình công để phản đối.

Tinh-thần tập-thể cương quyết chống đối họa độc-tài, phản Cách-Mạng, phản Dân-chủ của nhân-dân Thừa - Thiên và các tỉnh đã được biểu-lộ trong ngày cuối năm 1964. Những ai mưu toan đi ngược lại nguyện vọng dân-tộc hãy trông vào đó để tránh khỏi sự đau thương như chế độ Ngô-triều vừa qua.

Phái - đoàn Phật - giáo Hương - cang viếng thăm Viện Hóa - Đạo

Phái - đoàn Phật - giáo Hương - cang do Pháp-sư Ưu - Đàm hướng dẫn gồm 9 nhân vật du hành sang Việt-Nam đã đến viếng thăm Viện Hóa - Đạo và đã được Thượng-tọa Viện-Trưởng Thích Tâm-Châu tiếp đón nồng hậu.

Phái-đoàn ở lại Việt-Nam một tuần để viếng thăm các tổ chức Phật-giáo tại đây.

Thành lập Ủy - ban Bảo - vệ Phật - giáo.

Trước nguy cơ phá hoại Phật - Giáo của những kẻ không muốn thấy nền Đạo - pháp dân - tộc lớn mạnh mà bằng chứng đã tỏ rõ ở sự cho ra những tờ báo chuyên môn vu khống, chụp mũ mạ - ly Phật - Giáo, ở sự tổ - chức những đoàn đi đốt phá chùa chiềng, đánh đập Tăng Ni và Phật-tử, và sự cho thành lập một tổ - chức gọi là « Tổng Giáo-hội Phật-Giáo Việt-Nam » với âm mưu thâm độc dùng Phật-Giáo diệt Phật-Giáo v.v... cho

nên Viện Hóa-Đạo đã thành lập Ủy - ban Bảo - vệ Phật - Giáo mà Thượng-tọa Viện-trưởng là Chủ-tịch. Các Ban Đại-diện Giáo-hội Tỉnh, Quận, Xã, Phường, Khóm đương nhiên trở thành Ủy-Ban Bảo-Vệ Phật-giáo cấp địa-phương.

Lại náo - động tại Viện Hóa - Đạo

Hồi 21 giờ đêm 6-1-1965, trong lúc Đại-đức Pháp-Minh đang thuyết pháp thì trong sân Viện Hóa-Đạo một vài vụ lộn xộn lại xảy ra. Ban trật-tự do các đoàn-thể Phật-tử đảm nhiệm đã bắt được hai người tình nghi :

1) Người thứ nhất mang thẻ kiểm-tra tên Trần đức Truyền 45 tuổi ở đường Phan thanh Giản.

2) Người thứ hai tên Nguyễn-văn-Ba, anh này không có thẻ kiểm-tra nhưng khám trong người thấy có giấy phép mang vũ-khí và một tờ ghi « bí số » Anh này mang trong người 1 khẩu súng lục 9 ly hiệu Rouleau USA, số súng C591550, 6 viên đạn đầu chỉ vẫn, năm nguyên trong ổ và một bao súng da đen.

Viện Hóa-Đạo đã giao hai người này cho nhà chức-trách điều tra.

Cuộc nói chuyện của Thượng-Tọa Thích - Minh tại Diệu - Đế

Chiều tối ngày 6-1-65, Thượng-tọa Thích-Thiện-Minh, Tổng-vụ-Trưởng Tổng-vụ Thanh-niên Viện Hóa - Đạo, trong thời gian kinh-lý Huế, đã tiếp xúc với đồng-bào và Phật-tử cổ-đô tại chùa Diệu-đế. Nghe Thượng-tọa về, hàng vạn đồng-bào và Phật-tử thuộc mọi thành phần, mọi giới đã nô nức đến thính-san Thượng-tọa và nghe Thượng-tọa nói chuyện.

Thượng-tọa ngỏ lời chào mừng đồng-bào và Phật-tử sau khi đã cùng toàn-thể niệm Phật cầu nguyện cho

quốc-gia dân-tộc và đạo-pháp. Tiếp đến Thượng-tọa trường trình công tác của Phái-đoàn tham dự Hội-ngại Phật-giáo Thế-giới tại Sarnath (Ấn-độ) Phái-đoàn đã được toàn-thể Hội nghị hoan-nghênh, nhiệt-liệt và ngưỡng mộ tinh-thần đúng cảm, từ-bi, trí-tuệ của Phật-tử Việt-nam trong cuộc tranh đấu bảo vệ Phật-Giáo năm qua. Phái-đoàn đã trình bày tất cả những tài liệu, tranh ảnh và phim liên quan đến cuộc vận động tự-do tín-ngưỡng và công bằng xã-hội mà Phật-giáo Việt-nam đã chịu đựng mọi gian khổ để tranh đấu cho kỳ được. Hàng ngàn đại-biểu đã vỗ cùng xúc động khi được tận mắt đọc thấy rõ ràng sự việc và đã cam kết hết lòng ủng-hộ Phật-giáo Việt-nam chống lại mọi âm mưu phá hoại bất cứ từ đâu đến.

Thượng-tọa cho biết là Thượng-tọa đã phải về nước gấp khi nhận được điện tín của Viện Hóa-Đạo cho biết tình hình Phật-giáo nước nhà bất ổn và Thượng-tọa cũng đã trình bày cho các phái đoàn Phật-giáo rõ sự lâm nguy ấy. Thượng-tọa Thích Minh-Châu thay thế Thượng-tọa Thiện-Minh làm Trưởng Phái-đoàn đi thăm viếng các nước năm ngoài đã ủng hộ cuộc vận động của Phật-giáo Việt-Nam chống lại chế độ bạo tàn Ngô-dinh-Diệm.

Đề cập đến tình trạng hiện tại của Đạo-pháp và Quốc-gia, Thượng Tọa kêu gọi toàn thể đồng bào và Phật-tử nên bình tĩnh sáng suốt nhận định mọi âm mưu đen tối muốn lũng đoạn tinh thần đại đoàn kết Quốc-gia và sự trường tồn của Phật-giáo. Tuy nhiên, đứng trước những hành động bi đỗi, nhỏ nhen mà chúng ta không lấy làm lạ gì, chúng ta phải đồng tâm nhất trí chặn đứng âm mưu thâm độc của bọn người chỉ mong muốn xây dựng giàu sang trên diều

tàn của quốc gia, trên đau thương của dân tộc.

Trước khi giải tán, toàn thể đồng bào và Phật-tử hiện diện đã cùng im lặng trong một phút đề cầu an cho Thượng-tọa Thích Thiện-Siêu, hiện đang lâm trọng bệnh.

Trên 200 trẻ em đã đến Huế

Ban cứu trợ nạn lụt trong Giáo-hội Phật-giáo Thừa-thiên, đã đưa trên 200 trẻ em từ Quảng-tín và Quảng-Nam về Huế và lần lượt sẽ đem về thêm nữa.

Số trẻ em này là nạn nhân của trận bão lụt vừa qua, một số bị mất cha mẹ không nơi nương tựa, một số tuy còn cha mẹ, nhưng sản nghiệp bị tiêu tan không thể nuôi nổi, nên họ gửi cho Ban cứu trợ Phật-giáo Thừa-thiên. Hiện nay các em ở tại Trung tâm xã-hội Phật-giáo Tây-Lục Huệ, hằng ngày được Ban cứu trợ và các giới Phật-tử lui tới săn sóc chỉ dạy rất thân mật vui vẻ.

TIN THẾ GIỚI

Nghiên cứu Phật-giáo Tây-Tạng.

Ở Lhasa có hơn 140 Lạt-ma nghiên cứu về kinh điển Phật-giáo tại một lớp nghiên cứu Phật-giáo Tây-Tạng.

Những vị Lạt-ma này từ ba ngôi chùa lớn nhất ở Lhasa — tu viện Daipung, Sera, và Gerden — và từ viện Gyudpa - Dratsang (viện Phật-giáo Mật-tôn Tây-Tạng) đang học hỏi về những kinh điển Phật-giáo và đã thảo hoạch được nhiều kết quả mỹ-mãn.

Khóa học này được mở ra cách đây hơn một năm đã tạo cho những học viên một khung cảnh an tĩnh và thuận tiện để tu học. Có hơn

20 vị Geshi (Geshi là một cấp bậc cao nhất trong Phật-giáo Tây-Tạng) đang nghiên cứu về ngành mật-giáo của giáo-phái Lạt-ma Tây-Tạng là một ngành chuyên về thần thông, trong khi những vị Lạt-Ma khác thì học kinh điển thường.

Năm giảng viên của khoa học này đều là những vị Geshi lớn tuổi có tiếng tăm trong giới Phật-giáo Tây-Tạng. Một giảng viên Geshi tên Thubtan Nyima 63 tuổi đã nói rằng ông đã mất hết 30 năm để học cho xong sáu tập kinh điển, nhưng trong khóa học này, học-viên chỉ mất một năm để học xong một pho kinh-diễn.

Trường đại học Phật-giáo Vidyodaya đã hoàn thành

Đại-học-đường Phật-giáo Vidyodaya ở Tích-lan đã được hoàn thành Khoảnh đất đại học đường chiếm hết 75 mẫu đất.

Cơ sở đại-học này gồm có một phân-khoa nghiên cứu được trang bị đầy đủ và những phòng nghỉ ngơi và giải trí riêng biệt dành cho sinh viên và các Tỷ-kheo. Thư viện sẽ còn được mở rộng thêm nữa. Nhằm lợi ích cho những sinh viên kháo cổ, nhà trường sẽ có thêm một viện bảo-tàng.

Nhà trường cũng đã sắp đặt đầy đủ mọi tiện nghi về thể-thao và thể-dục cho sinh-viên cư-sĩ, và sẽ xây cất thêm những quán cơm sinh-viên.

Không có sự chia rẽ trong nội bộ hội Phật-giáo Bouddha Jatika Balavegaya

Hội Phật-giáo Bouddha Jatika Balavegaya ở Tích-Lan đã công bố

một bản tuyên ngôn phủ nhận những lời tường thuật trong báo chí Tích Lan nói rằng có sự chia rẽ trong nội bộ của hội B. J. B.

Bản tuyên ngôn nói rằng "mỗi hội viên của hội Phật-giáo B. J. B. đều cam kết trên giấy tờ tự họ viết ra chấp thuận nguyên tắc là sự phát triển Phật-giáo và quyền lợi quốc-gia vượt lên trên mọi quyền lợi cá nhân và tập-thể. Trong khi đeo đuổi lý tưởng đó, hội B. J. B. không quan tâm đến những cá nhân bằng nguyên tắc."

Hội B. J. B. đã đề nghị rằng chính phủ Tích-lan nên thành lập một ủy ban điều tra để xem xét về những hoạt-động của đoàn thể Công-giáo Tiến-hành ở Tích-Lan ban hành một đạo-luật công bình buộc mọi đoàn thể tôn-giáo phải kê khai lợi-tức và chi-tiêu.

Xây một tượng Phật không lồ cho thị xã Kandy

Thị xã Kandy ở Tích-Lan sẽ có một tượng Phật không lồ đúc theo kiểu tượng Phật nổi tiếng Aukana của Tích-Lan Tượng Phật không lồ đó sẽ nhìn xuống thành phố Kandy từ trên đồi Bahirawakande là một địa điểm cao nhất ở Kandy.

Cũng trên đồi này cũng sẽ có một chùa lớn làm theo kiểu ngôi chùa ở Bồ đề Đạo-tràng tại Ba-lanai, trong đó sẽ có tượng Phật nằm thép vàng.

Chính-phủ Tích-Lan đã cho phép hội Phật-giáo Sadaka Samitiya xư dụng mảnh đất trên đồi để dựng tượng Phật và làm chùa.

Sau này sẽ trồng thêm một cây bồ-đề trên đồi.

Chúng tôi cố nhận tập sách « CHỨNG NHÂN CỦA MIỀN TRUNG TRANH-ĐẤU » do Tác-giả NGUYỄN-ĐẮC-XUÂN gửi tặng, mỗi tập 25\$ xin cảm ơn Tác-giả và hoan-hỷ giới-thiệu với độc-giả Liên Hoa Nguyệt San.

L. H. N. S.

HỘP THƯ:

★ Yêu cầu quý độc-giả và đại-lý vui lòng thanh toán tiền Liên-Hoa năm Giáp-Thìn, để chúng tôi có phương tiện in số tới.

Quý độc-giả nhận từ số Tái-Ngộ đến số 12 Giáp-Thìn, thanh toán 160\$00, từ số 1 đến số 12 là 120\$00.

Quý độc-giả ở Huế nhận từ số Tái-Ngộ đến số 12 Giáp-Thìn thanh toán 150\$00, từ số 1 đến số 12 là 110\$00.

Các tỉnh xin gửi bưu-phiếu. Ở Huế xin tới thanh toán và nhận biên lai tại Tòa-soạn 66 Chi-Lăng trong giờ làm việc.



★ Độc-giả nào mỗi khi đổi địa chỉ xin tin cho Tòa-soạn biết gấp địa chỉ mới, để khỏi mất báo.

★ Liên-Hoa từ số mới xuất-bản đến nay hiện còn, độc-giả nào muốn mua từ số Tái-Ngộ, nghĩa là sau ngày 1-11-1963 đến trọn năm Giáp-Thìn (1964) xin liên-lạc với Tòa-soạn, giá tiền số cũ hay mới vẫn mỗi số 10\$00.

★ Liên-Hoa Nguyệt-San đến số này là trọn năm Giáp-Thìn. Vị nào phát tâm phổ-biến thêm độc-giả năm mới (Ất-Tỵ) hay vì lý-do đặc-biệt mà phải tạm ngưng, xin vui lòng cho chúng tôi biết tin gấp, để chúng tôi định liệu số lượng

Chân thành tri ân quý vị.

L. H. N. S.

MUỐN TRẺ EM MAU MẬP
CHÓNG LỚN, ÍT ĐAU,

HÃY
DÙNG
SỮA
BỘT



CÓ BÁN
ĐẦY ĐỦ TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY